

## **Mục                      Lục**

A. Đại cương môn học .....	2
B. Mục tiêu môn học .....	2
C. Giải thích quy trình tổng thể ERP.....	1
a.Quy trình xí nghiệp chung.....	1
b. Quan hệ giữa thao tác chức năng giá thành với các mô-đun khác .....	4
D. Các đơn vị học phân bắt buộc của chức năng giá thành .....	6
E. Thiết lập trước dữ liệu cơ bản.....	8
a. Thao tác thiết lập tham số nhập xuất tồn.....	8
b. Thao tác thiết lập tỷ giá .....	9
c. Thao tác thiết lập dữ liệu loại hàng hoá.....	10
d. Thao tác thiết lập dữ liệu dây chuyền sản xuất .....	10
e. Thao tác thiết lập dữ liệu sản phẩm (kế toán).....	11
f. Thao tác thiết lập dữ liệu công đoạn sản phẩm.....	11
g. Thao tác thiết lập tính chất chứng từ .....	12
F. Giải thích các quy trình .....	14
a. CT mở sổ/điều chỉnh GT .....	14
1.Giải thích quy trình .....	14
2. Giải thích ví dụ và trọng điểm.....	16
b.Các chứng từ liên quan tới lượng tồn kho có ảnh hưởng mã giá .....	21
c.Mã ảnh hưởng giá thành và logic tính toán .....	23
1.Giải thích quy trình .....	23
d.Quy trình tính toán giá thành định mức: .....	30
1.Giải thích quy trình .....	30
2. Giải thích trọng điểm và ví dụ.....	31
e.Quy trình kết chuyển giá thành.....	40

## A. Đại cương môn học

- ◆ Giải thích quy trình tổng thể ERP
- ◆ Các đơn vị học phần bắt buộc của chức năng giá thành
- ◆ Thiết lập trước dữ liệu cơ bản
- ◆ Giải thích các quy trình
  - ✓ CT lập sổ/điều chỉnh GT
  - ✓ Ảnh hưởng Mã giá thành của chứng từ tồn kho
  - ✓ Ảnh hưởng Mã giá thành và logic tính toán
  - ✓ Quy trình tính toán giá thành tiêu chuẩn
  - ✓ Quy trình thanh toán kết sổ hàng tháng

## B. Mục tiêu môn học

Khi môn học kết thúc, bạn cần phải hiểu biết:

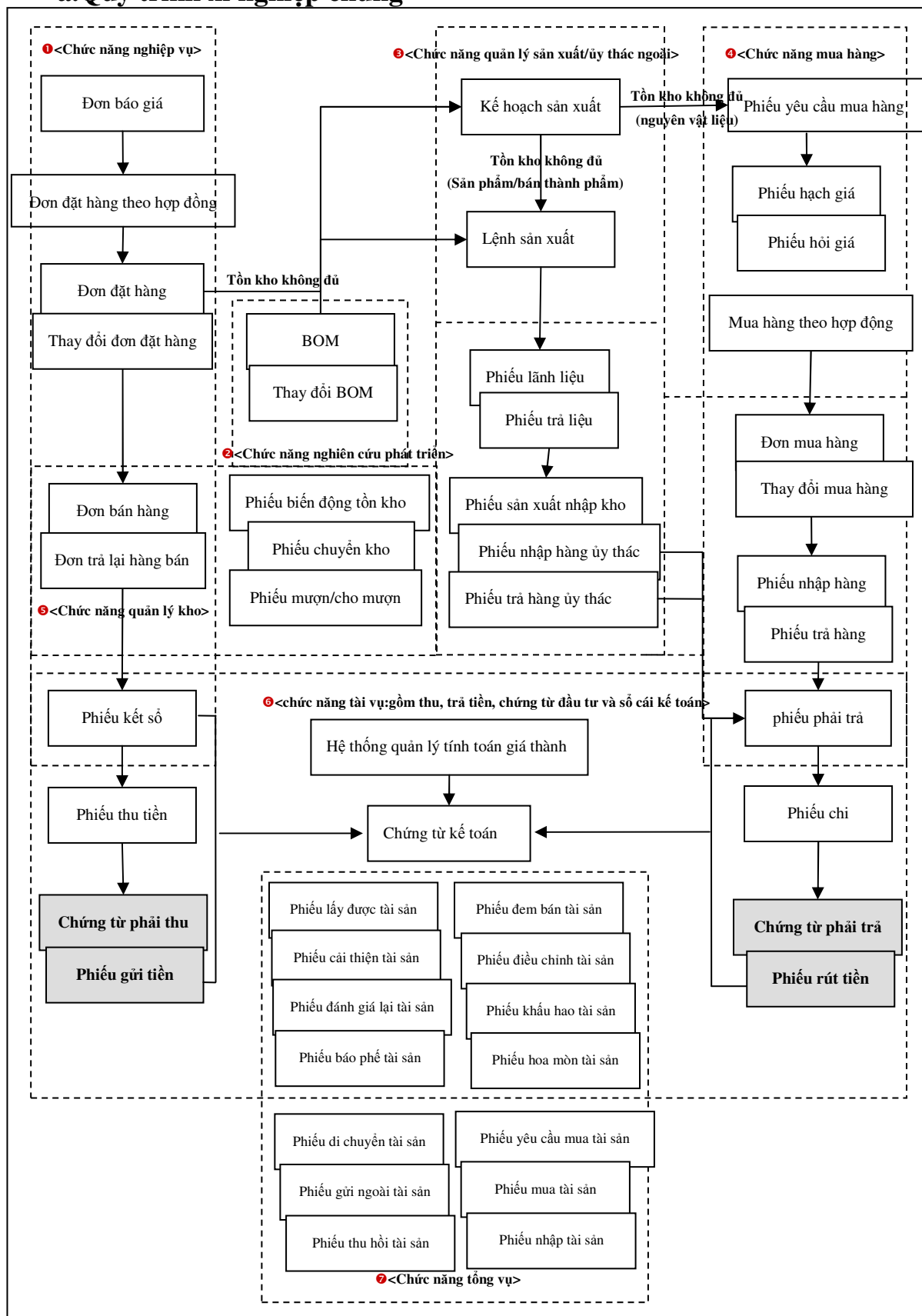
- ◆ Vài trò trong xí nghiệp của quy trình toàn thể ERP và chức năng kế toán giá thành
- ◆ Quan hệ giữa thao tác liên quan của chức năng giá thành và các ví dụ
- ◆ Chức năng giá thành phải học tập bài mục khóa trình con số nào
- ◆ Các quy trình chức năng giá thành và hiểu biết điều khiển các thao tác lập và in chứng từ hoặc bản báo cáo.

**Ghi chú:** Thao tác cơ bản xin học tập tại website (<http://elearning.dsc.com.tw/>) .

Hệ thống môn học	Tên môn học
Thao tác cơ bản	Thao tác cơ bản -Bài học đơn giản
	Thao tác cơ bản -Bài in chứng từ
	Thao tác cơ bản -Bài in báo biểu

## C. Giải thích quy trình tổng thể ERP

### a. Quy trình xí nghiệp chung

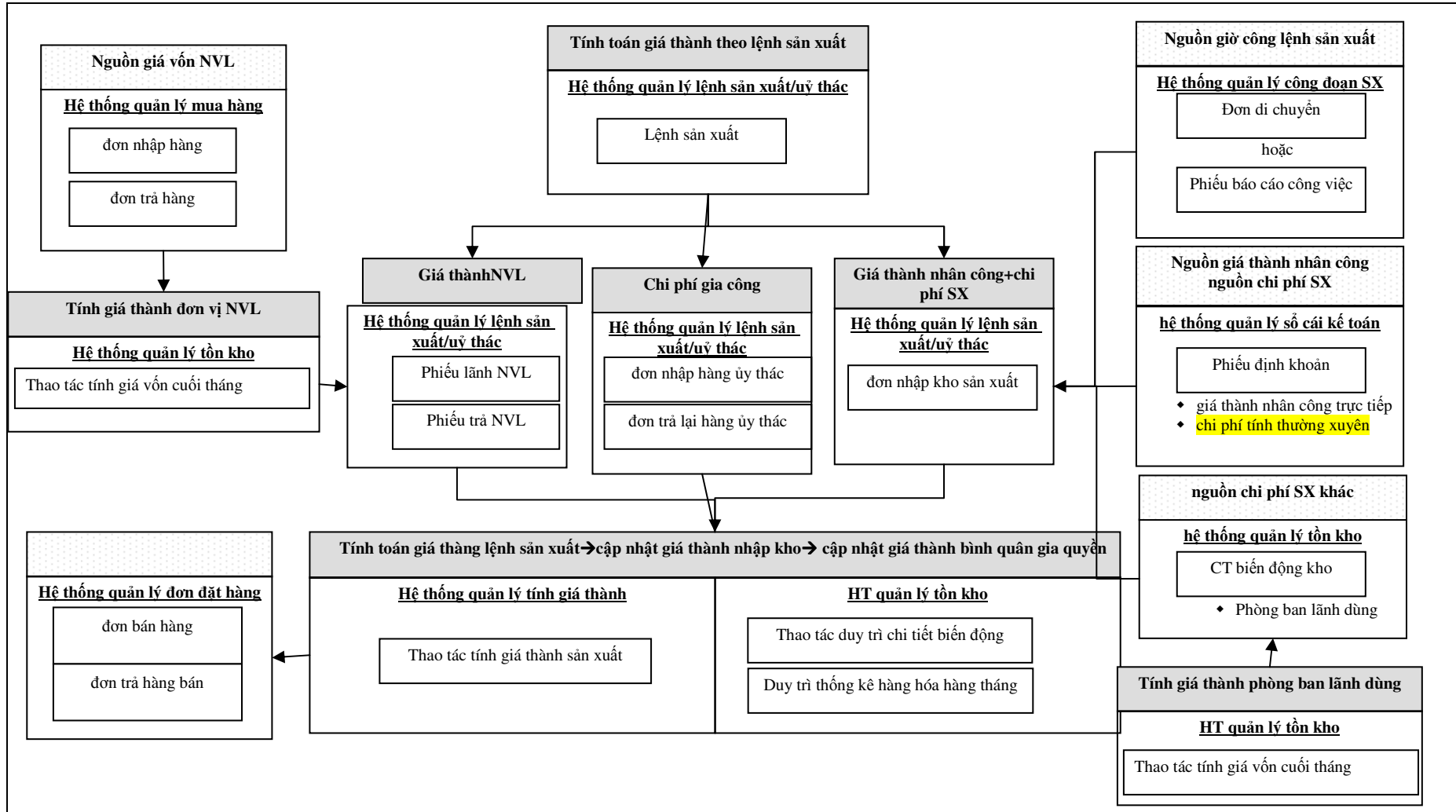


Giải thích mối liên quan giữa các chức năng:

Chức năng	Giải thích thao tác
<b>❶</b> Nghiep vụ	<ul style="list-style-type: none"> <li>♦ Trước hết khách hàng sẽ mời nhân viên nghiệp vụ báo giá.</li> <li>♦ Song phương sẽ căn cứ theo nhu cầu ký kết “Đơn đặt hàng theo hợp đồng” hoặc trực tiếp lập “Đơn đặt hàng”.</li> <li>♦ Nếu số lượng tồn kho chưa đạt nhu cầu số lượng đơn đặt hàng, có thể thực hiện “Kế hoạch sản xuất”(xem chi tiết trong “Chức năng quản lý sản xuất/ủy thác ngoài ❸”).</li> <li>♦ Nếu hai bên nhất trí về thay đổi nội dung đơn đặt hàng, có thể ghi chép dữ liệu trong “Thay đổi đơn đặt hàng”.</li> <li>♦ Xuất hàng vào ngày theo dự định giao (Đơn bán hàng).</li> <li>♦ Sau khi xuất hàng nếu khách hàng trả hàng hoặc cho chiết khấu,có thể ghi chép vào “Đơn trả lại hàng bán”.</li> </ul>
<b>❷</b> Nghiên cứu phát triển	<ul style="list-style-type: none"> <li>♦ Trước khi thực hiện “Kế hoạch sản xuất”, thiết lập sẵn dữ liệu dùng NVL của thành phẩm và bán thành phẩm.</li> <li>♦ Nếu không thực hiện “Kế hoạch sản xuất”, cũng có thể triển khai BOM dùng NVL khi lập “Lệnh sản xuất”.</li> <li>♦ Kế tiếp nếu việc dùng NVL có sự thay đổi, thì có thể ghi chép trong “Thay đổi BOM”.</li> </ul>
<b>❸</b> Quản lý sản xuất ủy thác ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>♦ Sau khi thực hiện “Kế hoạch sản xuất”, nếu thành phẩm không đủ, có thể phát “Lệnh sản xuất”(sản xuất trong nhà máy/ủy thác ngoài gia công), nếu không thực hiện “kế hoạch sản xuất”, cũng có thể tự nhập vào “Lệnh sản xuất”.</li> <li>♦ Khi chính thức sản xuất có thể ghi chép lại lệnh sản xuất dùng NVL vào “phiếu lãnh/trả liệu”(tự tạo trong nhà máy/ủy thác ngoài gia công)。</li> <li>♦ Sau khi hoàn công, nếu là tự tạo trong nhà máy thì ghi chép dữ liệu nhập kho bằng “Phiếu sản xuất nhập kho”, nếu là ủy thác ngoài gia công thì ghi chép bằng “Phiếu nhập hàng ủy thác”.</li> <li>♦ Nếu sản phẩm ủy thác ngoài gia công đã nhập kho vẫn có nhu cầu trả hàng, có thể ghi chép bằng “Phiếu trả hàng ủy thác”.</li> </ul>
<b>❹</b> Mua sắm	<ul style="list-style-type: none"> <li>♦ Sau khi thực hiện “Kế hoạch sản xuất”, nếu nguyên vật liệu không đủ, có thể phát “Phiếu yêu cầu mua hàng/đơn mua hàng”.</li> <li>♦ Nếu không phải yêu cầu mua theo tính sản xuất hoặc không thực hiện “Kế hoạch sản xuất”, cũng có thể nhập vào “Phiếu nhu cầu mua hàng”.</li> <li>♦ Nếu xác nhận giá cả sản phẩm mua với nhà cung cấp, có thể ghi chép dữ liệu bằng “Phiếu duyệt giá”.</li> <li>♦ Có thể căn cứ theo tình trạng mua hàng khác nhau, có thể tìm nhà cung cấp khác hoặc hỏi giá nhà cung cấp, dữ liệu hỏi giá có thể ghi chép vào “Phiếu hỏi giá”</li> </ul>

	<p>hoặc hỏi giá cho nhà máy, dữ liệu hỏi giá có thể ghi chép trong “bảng hỏi giá”.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>♦ Hỏi giá, so sánh giá, thỏa thuận giá xong, theo nhu cầu song phương có thể ký kết “Phiếu mua hàng theo hợp đồng”.</li> <li>♦ Nếu hai bên nhất trí về thay đổi nội dung của đơn mua hàng, có thể ghi chép dữ liệu bằng “Thay đổi mua hàng”.</li> <li>♦ Nhà cung cấp nhập hàng vào ngày nhu cầu “Phiếu nhập hàng”.</li> <li>♦ Sau khi nhập hàng nếu có trả hàng hoặc nhà cung cấp cho chiết khấu, có thể ghi chép bằng “phiếu trả hàng”.</li> </ul>
<p><b>⑤</b> Quản lý kho</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>♦ Nhân viên quản lý kho nhận hàng sau khi nhà cung cấp nhập hàng và nhân viên quản lý chất lượng nghiệm thu (Phiếu nhập hàng), nếu sau đó có trả hàng thì ghi chép bằng “Phiếu trả hàng”(xem chi tiết trong “④ Chức năng mua hàng”).</li> <li>♦ Tiếp theo lãnh liệu sản xuất hoặc trả liệu, cũng do kho phụ trách ghi chép hoặc đếm nhận(xem “③ Chức năng quản lý sản xuất/ủy thác ngoài”).sau khi sản xuất nhập kho(hoặc ủy thác ngoài nhập hàng) người quản lý chất lượng kiểm nhận xong, cũng do kho đếm nhận nhập kho, nếu có sản phẩm ủy thác ngoài gia công trả lại nhà cung cấp, thì ghi chép bằng “Phiếu trả hàng ủy thác”(xem “③ Chức năng quản lý sản xuất/ủy thác ngoài”).</li> <li>♦ Tiếp theo xuất hàng cho khách hàng hoặc nhận hàng trả từ khách hàng, dữ liệu sẽ ghi chép bằng “Phiếu bán hàng/phiếu trả hàng”(xem “① Chức năng nghiệp vụ”).</li> <li>♦ Trừ chứng từ trên có thể ảnh hưởng số tồn kho, người quản lý kho có thể nhập “Phiếu biến động tồn kho” theo nhu cầu khác (như: nhập kho khẩn cấp), hoặc chuyển sản phẩm và nguyên vật liệu sang kho khác(Phiếu chuyển phát), hoặc mượn hàng từ nhà cung cấp hoặc cho khách hàng mượn hàng</li> </ul>
<p><b>⑥</b> Tài vụ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>♦ Bộ phận này gồm lập sổ, thu tiền của “① Chức năng nghiệp vụ”, lập sổ, thanh toán của “④ chức năng mua hàng”, lập sổ, thanh toán phí ủy thác gia công, quản lý chứng từ đầu tư tuần hoàn của “③ Chức năng quản lý sản xuất/ủy thác ngoài”, trong “⑦ chức năng quản trị” bộ phận liên quan đến sổ cái kế toán và sau nay tổng hợp đến bộ phận sổ cái kế toán.</li> </ul>
<p><b>⑦</b> Quản trị</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>♦ Bộ phận liên quan đến tài vụ gồm:lấy được, cải thiện, đánh giá lại, báo phế, đem bán, điều chỉnh, khấu hao và hao mòn tài sản.</li> <li>♦ Bộ phận không liên quan đến tài vụ gồm:di chuyển, gửi ngoài và thu hồi tài sản.</li> </ul>

**b. Quan hệ giữa thao tác chức năng giá thành với các mô-đun khác**





## D. Các đơn vị học phần bắt buộc của chức năng giá thành

Ghi chú: cần học tập trước “Thao tác cơ bản”

TT HT	Môn học theo hệ thống (Loại mô-đun)	Tên bài học	Giải thích	Đề nghị đọc tại thời điểm	Thời gian toàn bộ (Phút)
0	<b>hệ thống quản lý tồn kho</b>	<b>bản đồ và hướng dẫn học tập hệ thống quản lý tồn kho</b>	hiểu biết	<b>*trước lớp</b>	60
0	Hệ thống quản lý sổ kế toán	bản đồ và hướng dẫn học tập Hệ thống quản lý sổ kế toán	thuyết minh ví dụ khác liên quan với chức năng kế toán	Sau lớp	46
1	<b>hệ thống quản lý tồn kho</b>	<b>Dữ liệu cơ bản liên quan với hệ thống quản lý dữ liệu cơ bản</b>	Dữ liệu mã số liên quan với chức năng giá thành	<b>*trước</b>	41
2		<b>quản lý dữ liệu cơ bản tồn kho</b>		<b>*trước</b>	26
3		<b>Thao tác thiết lập dữ liệu sản phẩm (cơ bản)</b>		<b>*trước</b>	36
4		<b>Thao tác thiết lập dữ liệu sản phẩm (kế toán)</b>		<b>*trước</b>	12
5		<b>Bài thao tác hàng ngày-tài chính</b>		<b>*trước</b>	21
6		<b>kết toán và kết sổ hàng thống của giá thành tồn kho</b>		<b>*trước</b>	33
7		<b>Bài đưa vào mở sổ</b>		<b>*trước</b>	27
8		Bài thao tác xét hỏi tình trạng tồn kho		Sau lớp	39
9	hệ thống quản lý mua hàng	Bài thao tác nhập hàng và trả lại hàng	chứng từ liên quan với tính toán giá thành	<b>*trước</b>	90
10	hệ thống quản lý đơn đặt hàng	Bài thao tác bán hàng và bán trả		<b>*trước</b>	60
11	<b>Hệ thống quản lý cấu trúc thành phẩm</b>	Dữ liệu cơ bản của hệ thống kết cấu sản phẩm	hiểu biết sản phẩm BOM và lập giá thành tiêu chuẩn	<b>*trước</b>	27
12		<b>Bài dữ liệu lượng sử dụng BOM và lập thay đổi</b>		<b>*trước</b>	45
13		hệ thống kết cấu sản phẩm-thao tác hàng ngày (đơn tổ hợp và đơn bóc tách)		Sau lớp	21
14		<b>Tính toán giá thành tiêu chuẩn</b>		<b>*trước</b>	31
15	Hệ thống quản lý lệnh sản xuất/ủy thác	Bài lập/sửa đổi lệnh sản xuất	chứng từ liên quan với tính toán giá thành	<b>*trước</b>	68
16		Bài thao tác lấy và trả NVL		<b>*trước</b>	81
17		Bài nhập kho và trả hàng		<b>*trước lớp</b>	80
18		Thao tác xét hỏi		Sau lớp	18
19	Hệ thống quản lý sổ	Tóm tắt quản lý sổ kế toán	hiểu	Sau lớp	16



20	kế toán	Bài dữ liệu cơ bản	biết thao tác liên quan với kế toán	Sau lớp	58
21		Bài thao tác hàng ngày		Sau lớp	40
22		Bài quản lý trung tâm lợi nhuận		Sau lớp	69
23		Bài thao tác xét hỏi		Sau lớp	9
24		Bài bảo dưỡng hàng ngày tài chính		Sau lớp	35

**Đề nghị:** Để đạt hiệu quả học tập tốt hơn, Trước khi học tập môn học này, nghiên cứu và học tập bài tại “Trang web xí nghiệp học tập ERP II DSC”. (<http://elearning.dsc.com.tw/>) và “Đề nghị đọc tại thời điểm=trước lớp”

Chú ý: Tổng số thời gian học tập (18 giờ 9 phút)

## E. Thiết lập trước dữ liệu cơ bản

### a. Thao tác thiết lập tham số nhập xuất tồn

**Vị trí:** Hệ thống quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập \ Thao tác thiết lập tham số nhập xuất tồn

**Mục đích:** đặt tháng năm hiện hành, năm tháng kết sổ, ngày khóa sổ, tiện cho việc kết toán giá vốn tồn kho tháng nay.

◆ Giải thích trọng điểm

#### 1. Tình trạng 1: khi triển khai đầu kỳ

Giả thiết: công ty chính thức quyết định ngày triển khai hệ thống là 2008/01/01, đưa vào sổ dư đầu kỳ vào 2007/12/31.

**Bước 1:** tháng năm tồn kho hiện hành thiết lập 「2007/12」.

Tháng năm kết sổ tồn kho lập là 「2007/11」.

Ngày khóa sổ đặt là 「2007/11/30」

**Bước 2:** nhập phiếu triển khai đầu kỳ, nhập ngày tháng là 2007/12/31, kiểm tra không có sai sót thì lưu lại và xác nhận chứng từ.

(Có thể mở sổ theo “chứng từ biến động tồn kho” (không tách chi phí nhân công và CP NVL) hoặc “đơn mở sổ giá thành/ điều chỉnh” (tách chi phí nhân công và CP NVL)).

**Bước 3:** thực hiện kết chuyển tồn kho cuối tháng, thực hiện xong “tháng năm tồn kho hiện hành” sẽ tự động cộng thêm một, tức là “2008/01”.

**Bước 4:** tháng năm kết sổ tồn kho lập “2007/12”.

Ngày khóa sổ đặt là “2007/12/31”

**Bước 5:** sau ngày 2008/01/01 thì nhập các chứng từ biến động tồn kho theo quy trình bình thường

## 2. Tình trạng 2: khi kết sổ hàng tháng

Giả thiết: Tháng năm tồn kho hiện hành là 2008/01, kế toán giá thành bắt đầu tính toán giá thành hàng tồn kho tháng 1.

**Bước 1:** Ngày khóa sổ đặt là 2008/01/31

Mục đích chính là khi tính và đối chiếu giá thành tồn kho tránh việc những người sử dụng khác, dữ liệu biến động liên quan, các quyết toán ảnh hưởng đến giá thành nên cần phải khóa sổ

**Bước 2:** Tiến hành trình tự kết toán giá thành.

**Bước 3:** Nếu có nhu cầu điều chỉnh giá thành hàng tồn kho, cần điều chỉnh “ngày khóa sổ” lùi về trước 1 ngày, tức là “2008/01/30”, mới có thể phát sinh hoặc nhập “đơn điều chỉnh”, sau khi lưu và xác nhận “đơn điều chỉnh”, phải sửa lại “ngày khóa sổ” là “2008/01/31”.

**Bước 4:** Tiến hành kết chuyển hàng tồn kho cuối tháng xong “tháng năm tồn kho hiện hành” sẽ tự động cộng một, là “2008/02”, và giá thành cuối kỳ của “2008/01” sẽ kết chuyển thành giá thành đầu kỳ của “2008/02”.

**Bước 5:** Năm tháng kết sổ tồn kho đặt “2008/01”.

## b. Thao tác thiết lập tỷ giá

**Vị trí:** Hệ thống quản lý dữ liệu cơ bản\Thao tác thiết lập\Thao tác thiết lập tỷ giá

**Mục đích:** thiết lập việc lấy bao nhiêu số thập phân của giá thành đơn vị và số tiền thành tiền của đồng tiền nội tệ khi tính giá thành .

The screenshot shows a software window titled "Thao tác thiết lập tỷ giá(CMS106)[Success]". It has a menu bar with "DL (D)", "Tác dụng(F)", and "Thoát (X)". Below the menu is a toolbar with various icons. The main area has two tabs: "Chi tiết" (selected) and "Xem DL".

Fields in the "Chi tiết" tab include:

- Tiền tệ: NTD
- Tên tiền tệ: NT dollar
- Vị trí lấy oG: 1: Một số thập phân
- Số thập phân giá thành oV: 3: Một số thập phân
- Lấy số lẻ số tiền: 0: Số nguyên
- oV tiền CP: 0: Số nguyên
- Ghi chú: Nội tệ

Below these fields is a table with the following data:

Ngày có giá trị	Tỷ giá ngân hàng mua vào	Tỷ giá ngân hàng bán ra	Tỷ giá hai quan mua vào	Tỷ giá hai quan bán ra
2001/12/31	1	1	1	1

At the bottom of the window, there is a status bar with "Browse", "Số môn DL nội dung: 1", and "127.0.0.1 - 211".

### c. Thao tác thiết lập dữ liệu loại hàng hoá

**Vị trí:** HT quản lý tồn kho \ Quản lý DL cơ bản \ Thao tác thiết lập dữ liệu loại hàng hoá

**Mục đích:** khi lập dữ liệu mã SP, thiết lập loại của mã SP này, sau này có thể chọn cùng loại hàng hóa khi tiến hành các thao tác hàng loạt hoặc in báo cáo thống kê.

Thao tác thiết lập dữ liệu loại hàng hoá(INV101)[Success]  
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

PP phân loại 1.Accounting

Mã loại mã SP 400

Tên loại mã SP Finished Products

Mã TKKT hàng tồn 1211 Finished Goods

TK bán hàng 4101 Sales

Mã TK hàng trả lại 4102 Sales Returns

TKKT dự toán

Browse 127.0.0.1 - 211

### d. Thao tác thiết lập dữ liệu dây chuyền sản xuất

**Vị trí:** Hệ thống quản lý dữ liệu cơ bản\Thao tác thiết lập\Thao tác thiết lập dữ liệu dây chuyền sản xuất

**Mục đích:** dựa vào dây chuyền sản xuất làm căn cứ phân bổ chi phí nhân công và chi phí sản xuất đối với lệnh SX trong xưởng

Thao tác thiết lập dữ liệu dây chuyền sản xuất(CMS104)[Success]  
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Chi tiết Xem DL

Mã DCSX 601 Phụ phí máy móc định mức 100.00%

Tên DCSX P/Line 1 Căn cứ phân bổ CP SX 1.Giờ công

Mã xưởng 001 Taipei

Năng suất Lơ mỗi ngày 160 Giờ công Giá thành nhân công định mức 100 Giờ công

Năng suất máy móc mỗi ngày 80 Giờ máy CP SX định mức 120 Giờ công

Năng suất Lơ định mức 90.00% Ghi chú

Mã máy móc	Tên máy móc	Năng suất máy móc	Tỷ lệ trách nhiệm	Mã lịch làm việc tuần	Mã lịch làm việc	Ghi chú
S01	Machine-A	50	100.00%			
S02	Machine-B	30	100.00%			

Browse Số môn DL nội dung: 2 127.0.0.1 - 211

## e. Thao tác thiết lập dữ liệu sản phẩm (kế toán)

**Vị trí:** HT quản lý tồn kho \ Quản lý DL cơ bản \ Thao tác thiết lập dữ liệu sản phẩm (kế toán)

**Mục đích:** lập dữ liệu liên quan giá thành SP.

## f. Thao tác thiết lập dữ liệu công đoạn sản phẩm

**Vị trí:** Hệ thống quản lý cấu trúc thành phẩm \ Quản lý DL cơ bản \ Thao tác thiết lập dữ liệu công đoạn sản phẩm

**Mục đích:** lập dữ liệu gia công, chi phí SX, nhân công sản phẩm trước khi tiến hành “Thao tác cập nhật tính giá thành định mức”.

### g. Thao tác thiết lập tính chất chứng từ

**Vị trí:** HT quản lý tồn kho \ Quản lý DL cơ bản \ Thao tác thiết lập tính chất chứng từ

**Mục đích:** lập loại đơn và tính chất mà “hệ thống quản lý tồn kho” cần sử dụng.

The screenshot shows a software window titled "GP Thao tác thiết lập tính chất chứng từ(INVI04)[Success]". The window has a menu bar with "DL (D)", "Tác dụng(F)", and "Thoát (X)". Below the menu bar is a toolbar with icons for file operations and navigation. The main area is divided into two tabs: "Chi tiết" (selected) and "Xem DL".

The "Chi tiết" tab contains the following fields and options:

- Loại CT:** 111
- Tên CT:** Picking
- Tên đầy đủ CT:** Picking Note
- Tính chất CT:** 11:Phiếu thay đổi thường
- Nguyên tắc tạo mã:** 1:Hàng ngày
- Mã năm:** 2
- Số mã số thứ tự:** 3
- Định dạng tạo mã:** YYMMDD999
- Loại thay đổi:** 3:Lãnh dùng
- PT nhập mã SP:**
  - ☒ Nhập mã SP mua
  - ☐ Nhập mã vạch
- Anh hưởng tồn kho:**
  - ☐ Tăng
  - ☒ Giảm
- ☐ Loại CT giới hạn người dùng nhập
- Nguồn tự giá:** 1.Tỷ giá ngân hàng mua vào
- Anh hưởng GT:** N:Cho kết quả tính
- Quan lý mã SP có/hết hiệu lực:**
  - ☒ Không quan lý mã SP có hoặc hết hiệu lực
  - ☐ Quan lý mã SP có/hết hiệu lực
- ☐ Cập nhật ngày nhập kho
- ☒ Cập nhật ngày xuất kho
- ☐ Cập nhật ngày kiểm kê
- ☐ Xác nhận tự động
- ☐ In tự động
- ☐ Phiếu đổi chiều cho mượn/mượn
- Mã ghi chú:** [Field]
- ☐ In ghi chú trên mỗi trang
- ☐ Chỉnh sửa ghi chú khi in
- Mã xét duyệt:** [Field]
- ☐ In xét duyệt mỗi trang
- ☐ Chỉnh sửa xét duyệt khi in
- Định dạng CT:** [Field]
- ☐ Chọn định dạng CT khi in
- ☐ In tổng cộng mỗi trang
- Ghi chú:** [Field]

At the bottom of the window, there is a "Browse" button and a version number "127.0.0.1 - 211".

Ghi chú: Thao tác và giải thích của dữ liệu trên tham khảo bài học “hệ thống quản lý tồn kho \ dữ liệu cơ bản liên quan với hệ thống quản lý dữ liệu cơ bản”, “quản lý dữ liệu cơ bản”.

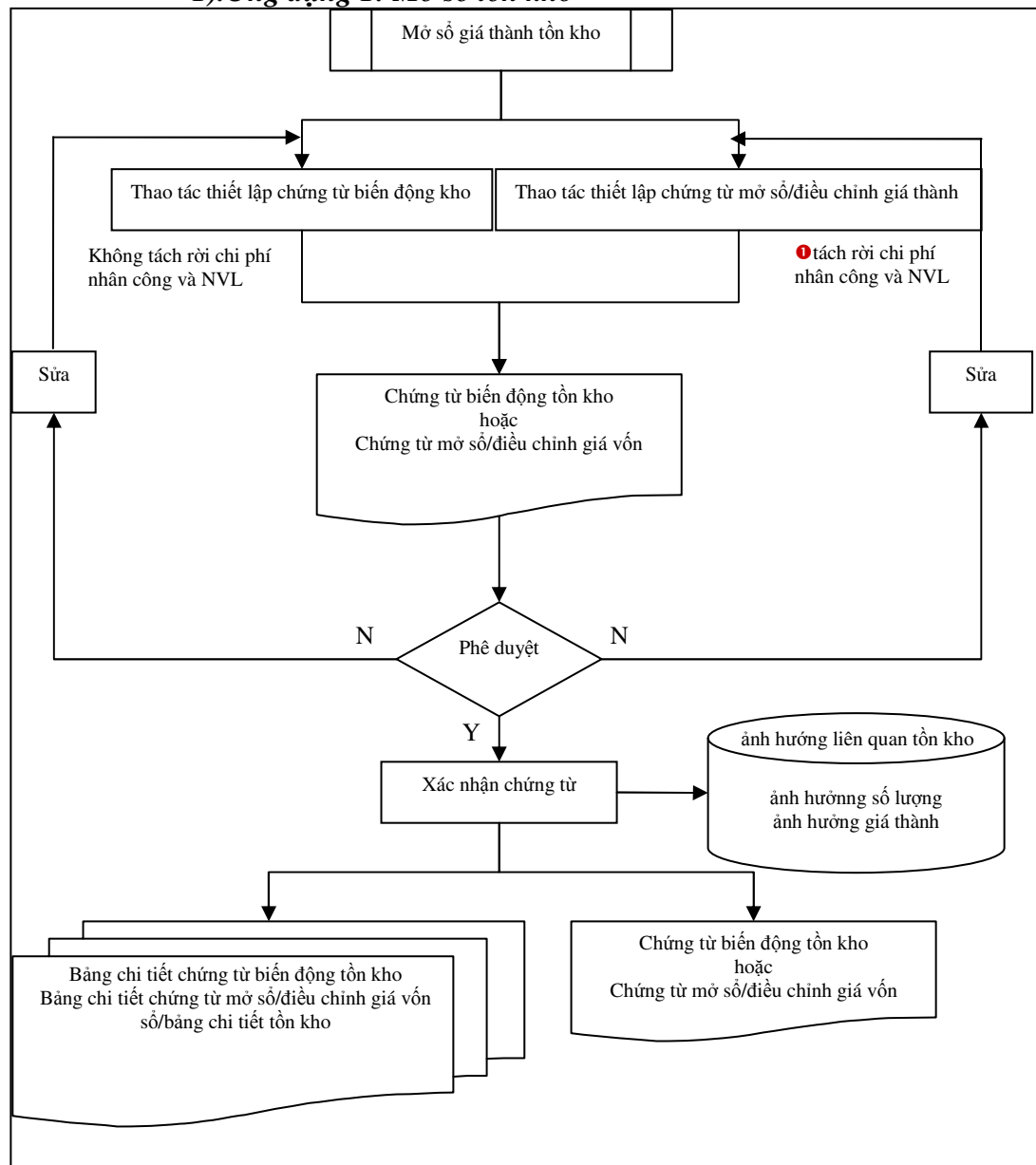


## F. Giải thích các quy trình

### a. CT mở sổ/điều chỉnh GT

#### 1. Giải thích quy trình

##### 1). Ứng dụng 1: Mở sổ tồn kho

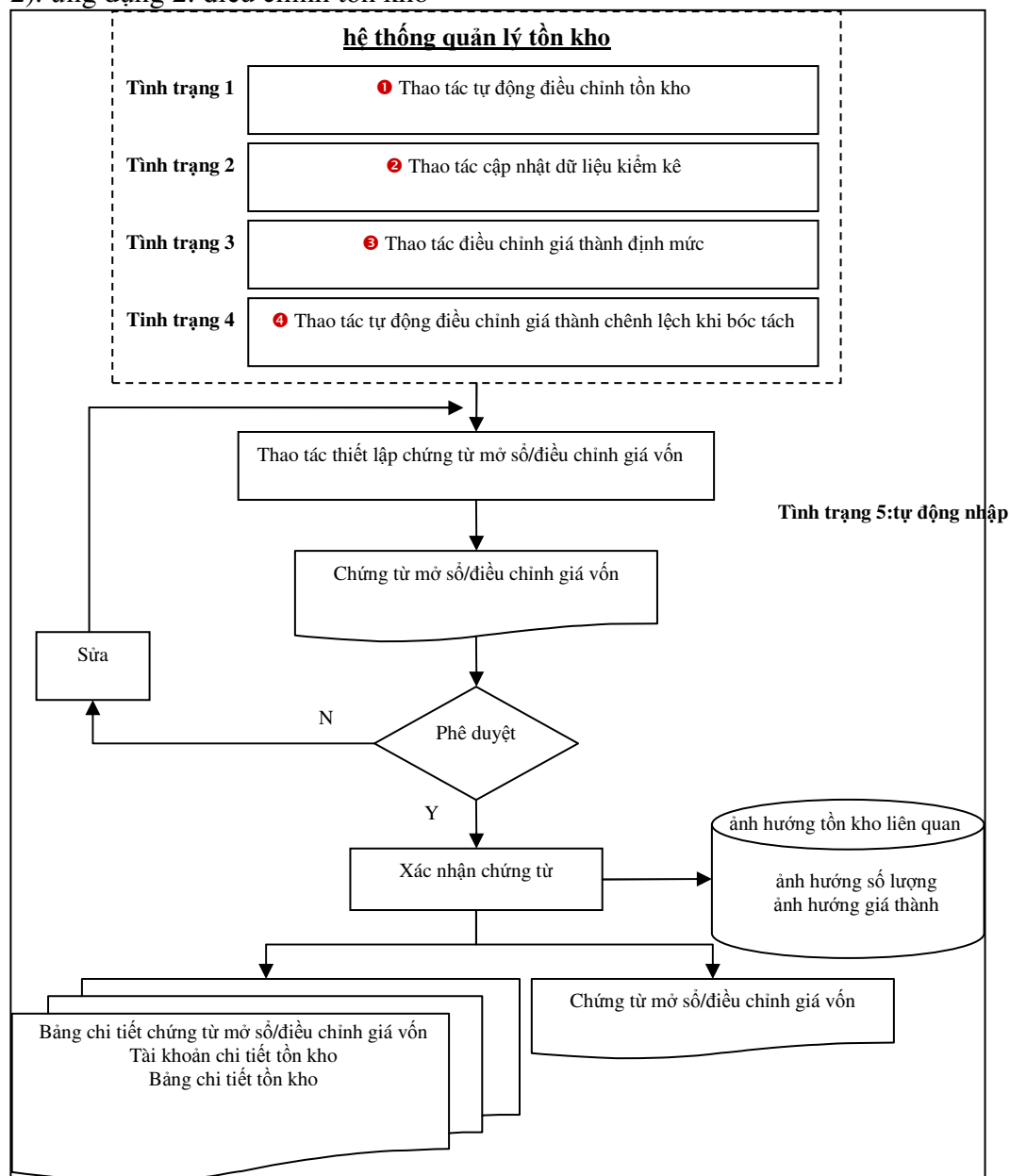


❶ Nếu giá thành tồn kho có đưa vào “chi phí NVL / nhân công /SX”, có thể bấm phím “tự động phát sinh dữ liệu điều chỉnh” trên thanh công cụ trong “thao tác lập phiếu mở sổ giá thành/đơn điều chỉnh”, trong tình hình không ảnh hưởng tổng giá thành tồn kho, “theo tỷ lệ cố định” hoặc “theo tỷ lệ giá thành định mức” lấy giá thành phân bổ cho “chi phí NVL / nhân công /SX”.

Ghi chú: tham khảo bài học “hệ thống quản lý tồn kho \ thao tác hàng ngày-tài chính”.



## 2). ứng dụng 2: điều chỉnh tồn kho



❶ Sử dụng khi tiến hành quy trình kết chuyển cuối tháng, chủ yếu là điều chỉnh những dữ liệu có số lượng bằng 0 nhưng giá thành tồn kho không phải là 0, lấy giá thành phân kho điều chỉnh thành giá thành đơn vị thống nhất, phiếu điều chỉnh này có thể chuyển sang ngày cuối cùng của tháng.

❷ Kiểm kê nếu có chênh lệch, có thể tiến hành thao tác này để điều chỉnh tồn kho, nếu khi điều chỉnh không tách rời chi phí vật liệu, nhân công, sản xuất thì có thể chọn “chứng từ được phát sinh là phiếu điều chỉnh” ( “tính chất chứng từ=11:chứng từ biến động”, có thể theo dõi kết quả trong “thao tác lập chứng từ biến động tồn kho”).

❸ Nếu “phương pháp tính giá thành” sử dụng “giá thành định mức”, và hàng ngày có ghi sổ chứng từ kế toán, thì sau khi sửa đổi “giá thành tiêu chuẩn” ( trong Hệ thống quản lý tồn kho \ Thao tác thiết lập dữ liệu mã SP ), thì có thể sử dụng thao tác này thực hiện phiếu điều chỉnh tính ra mức chênh lệch.

❹ Đối với chênh lệch giá thành phát sinh từ “phiếu bóc tách” khi lấy sản phẩm tổ hợp thực hiện bóc tách, có thể tiến hành thao tác này thực hiện phiếu điều chỉnh.

## 2. Giải thích ví dụ và trọng điểm

### ♦ Vị trí:

Hệ thống quản lý tồn kho \ xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập chứng từ biến động kho

Hệ thống quản lý tồn kho \ xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập chứng từ mở sổ/điều chỉnh giá vốn

### ♦ Giải thích ví dụ:

Công ty sẽ chính thức sử dụng hệ thống đầu tháng 8, và cuối tháng 7 sử dụng loại đơn “11B phiếu mở sổ giá thành” nhập dữ liệu dưới đây vào “Thao tác lập chứng từ biến động tồn kho”, và sử dụng phím chức năng “tự động phát sinh dữ liệu điều chỉnh” trên thanh công cụ trong “Thao tác thiết lập chứng từ biến động kho”, “theo tỷ lệ giá thành định mức” sẽ phân bổ giá thành cho “chi phí NVL / nhân công / sản xuất”.

MS	thuộc tính SP	SL	số tiền (\$)
V	P.sản phẩm mua	100	200
W	P. sản phẩm mua	100	300
Y1	P. sản phẩm mua	100	100
Y2	P. sản phẩm mua	100	200
Z1	P. sản phẩm mua	100	100
Z2	P. sản phẩm mua	100	200
Y	S.sản phẩm ủy thác gia công	100	500
Z	M.sản phẩm tự SX	100	400
X	M. sản phẩm tự SX	100	1,900

## Bước 1: đưa số lượng và giá thành tồn kho vào hệ thống

Thao tác thiết lập chứng từ biến động kho (INV105)[Leader]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

1. Icon bar

2. Loại đơn: 11B; Mã CT: 09073100001

3. Ngày CT: 31/07/2009; Khuong: 01

4. STT

5. SL

6. Số tiền

7. Tên kho

8. CONFIRM

STT	Mã SP	Tên SP	Quy cách	SL	eV	GT eV	Số tiền	Kho	Tên kho
0001	V	V		100	PC	2	200	IC	Kho NVL Material
0002	W	W		100	PC	3	300	IC	Kho NVL Material
0003	Y1	Y1		100	PC	1	100	IC	Kho NVL Material
0004	Y2	Y2		100	PC	2	200	IC	Kho NVL Material
0005	Z1	Z1		100	PC	1	100	IC	Kho NVL Material
0006	Z2	Z2		100	PC	2	200	IC	Kho NVL Material
0007	Y	Y		100	PC	5	500	IB	Kho BTP Semiconductor
0008	Z	Z		100	PC	4	400	IB	Kho Semiconductor
0009	X	X		100	PC	19	1900	IA	Kho thanh pham finish product

Tổng SL: 900      Tổng số tiền: 3900

### ♦ Giải thích trọng điểm:

1. Thêm mới chứng từ, chứng từ này cần lập trước trong “thao tác thiết lập tính chất chứng từ”, có “tính chất chứng từ=11.chứng từ biến động kho”, “Loại thay

- đổi=1:nhập kho”, “ảnh hưởng tồn kho=tăng”, “ảnh hưởng giá thành = Y:nguồn tính giá thành”, ví dụ này sử dụng loại đơn “11B phiếu mở sổ giá thành”.
2. Nhập “Ngày chứng từ”, chính thức sử dụng hệ thống đầu tháng 8, có thể nhập dữ liệu vào cuối tháng 7.
  3. Nhập “loại xương”.
  4. Nhập “mã SP” theo dữ liệu.
  5. Nhập “số lượng” theo dữ liệu.
  6. Nhập “số tiền” theo dữ liệu, không nhập “giá thành đơn vị”, sau khi nhập “số tiền”, do hệ thống tự động chia cho “số lượng” và tính ra giá thành đơn vị.
  7. Hệ thống sẽ mặc định “loại kho” là “loại kho chính” của mã SP này trong “thao tác lập dữ liệu mã SP”, và kiểm tra “loại kho” nhập vào chính xác hay không.
  8. Sau kiểm tra không có vấn đề thì lưu và xác nhận.

**Bước 2:** lấy giá thành tồn kho xử lý “chi phí vật liệu,nhân công, SX”

GP Thao tác thiết lập chứng từ mở sổ/điều chỉnh giá vốn(INV107)[Leader]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

1 4

Chi tiết Xem DL

1 Loại đơn 170 Phiếu mở sổ 3T Bộ phận In 0 PS mã bút toán

Mã CT 09073100001 7 CONFIRM Xương 01 01 3 Số lần gửi 0

2 Ngày CT 31/07/2009 Ghi chú Ngày điều chỉnh 31/07/2009 T.Thất duyệt N.Không thực thi EasyFlow Xác nhận DS 系統管理

STT	Mã SP	Tên SP	Quy cách	SL	ĐV	ĐV NVL	ĐV nhân công	ĐV CP	ĐV GC
0001	X	X		0	PC	0	0	0	0
0002	Y	Y		0	PC	0	0	0	0
0003	Z	Z		0	PC	0	0	0	0


6

Tổng SL 0 Tổng số tiền 0

STT	CP NVL	CP nhân công	CP SX	GT GC	Số tiền giá vốn	Kho	Tên kho
0001	-800	300	300	200	0	1A	Kho thanh phẩm finish product
0002	-200	0	0	200	0	1B	Kho BTP Semiconductor
0003	-160	80	80	0	0	1B	Kho BTP Semiconductor

6

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Thêm mới chứng từ, chứng từ này cần lập trước trong “thao tác thiết lập tính chất chứng từ”, có “tính chất chứng từ=17.chứng từ điều chỉnh/mở sổ giá thành”, “Loại thay đổi=5. Điều chỉnh”, “ảnh hưởng tồn kho=tăng”, “ảnh hưởng giá thành = y. điều chỉnh giá thành”, ví dụ này sử dụng loại đơn “170. phiếu mở sổ giá thành”
2. Nhập “ngày chứng từ”, điều chỉnh dữ liệu đến cuối tháng 7.
3. Nhập “loại xương”.
4. Bấm phím chức năng “tự động phát sinh dữ liệu điều chỉnh”  trên thanh công cụ.
5. Khi cửa sổ nhỏ hiện ra:
  - Chọn mã số = V đến Z2
  - Chọn ngày kết thúc = 31/07/2009
  - Chọn phương thức phát sinh = theo tỷ lệ giá thành định mức
 Sau đó bấm phím “Đồng ý”.
6. Hệ thống sẽ căn cứ theo tỷ lệ ‘Giá thành định mức đơn vị NVL, đơn vị nhân công, chi phí SX và giá thành gia công’ của các mã SP đã được thiết lập sẵn trong trang “Giá thành” của “Thao tác lập dữ liệu mã SP” tự động đem giá thành tồn kho phân bổ cho giá thành vật liệu, giá thành nhân công, chi phí SX và giá thành gia công.
  - Chỉ điều chỉnh số tiền của chi phí NVL, nhân công, SX; không thay đổi tổng số tiền.
  - Chỉ điều chỉnh số tiền, không thay đổi số lượng.
  - Đối với thuộc tính “P:sản phẩm mua”, như:V, W, Y1, Y2, Z1 và Z2, không hiển thị, do bước 1 số tiền đã nhập sẽ đưa vào “giá thành NVL”.
  - Đối với bán thành phẩm và thành phẩm thì tính lại tỷ lệ chi phí NVL, nhân công, SX:

**Mã sản phẩm Y (S: sản phẩm nhờ ngoài gia công)**

DL cơ bản 1	DL cơ bản 2	Quan lý mua và SX 1	Quan lý mua và SX 2	Giá bán	Giá thành	Đồng gói định mức
GT định mức NVL của ĐV SP@	3	Nhân công cấp này @	0			
GT định mức nhân công của ĐV SP@	0	CP SX cấp này@	0			Mã số Y
GT định mức CP SX chung của ĐV SP@	0	GC cấp này @	2			
CP định mức GC của ĐV SP@	2	Tổng GT cấp này @	2			
Tổng GT định mức @	5	Số giờ công cơ bản	1			

Trước điều chỉnh	vật liệu : 500	nhân công : 0	Chi phí chế tạo : 0	Gia công : 0
Sau điều chỉnh	vật liệu : -200	nhân công : 0	Chi phí chế tạo : 0	Gia công : +200

### Mã số Z (M:sản phẩm tự SX)

DL cơ bản 1	DL cơ bản 2	Quan lý mua và SX 1	Quan lý mua và SX 2	Giá bán	Giá thành	Đồng gói định mức
GT định mức NVL của ĐV SP@	3	Nhân công cấp này @	1			
GT định mức nhân công của ĐV SP@	1	CP SX cấp này@	1			Mã số Z
GT định mức CP SX chung của ĐV SP@	1	GC cấp này @	0			
CP định mức GC của ĐV SP@	0	Tổng GT cấp này @	2			
Tổng GT định mức @	5	Số giờ công cơ bản	1			

trước điều chỉnh	vật liệu : 400	nhân công : 0	Chi phí chế tạo : 0	Gai công : 0
Sau điều chỉnh	vật liệu : -160	nhân công : +80	Chi phí chế tạo : +80	Gia công : 0

### Mã số X (M:sản phẩm tự SX)

DL cơ bản 2	Quan lý mua và SX 1	Quan lý mua và SX 2	Giá bán	Giá thành	Đồng gói định mức	Biểu tượng SP
GT định mức NVL của ĐV SP@	11	Nhân công cấp này @	2			
GT định mức nhân công của ĐV SP@	3	CP SX cấp này@	2			Mã số X
GT định mức CP SX chung của ĐV SP@	3	GC cấp này @	0			
CP định mức GC của ĐV SP@	2	Tổng GT cấp này @	4			
Tổng GT định mức @	19	Số giờ công cơ bản	1			

trước điều chỉnh	vật liệu : 1900	nhân công : 0	Chi phí chế tạo : 0	Gia công : 0
Sau điều chỉnh	vật liệu : -800	nhân công : +300	Chi phí chế tạo : +300	Gia công : +200

- Sau khi kiểm tra không có vấn đề thì lưu & xác nhận.
- Tiếp theo có thể in “bảng chi tiết tồn kho” theo dõi kết quả tách rời chi phí nguyên vật liệu, nhân công, sản xuất:

Bảng chi tiết tồn kho										
Ngày lập biểu: 01/08/2009				Dữ liệu ngày: 31/07/2009				Trang 1		
Mã SP	Tên SP Quy cách	ĐV	Kho Tên kho	SL tồn kho	Số tiền	GT ĐV	Chi phí NVL	Chi phí nhân công	Chi phí SX	Chi phí gia công
V	V	PC	1C Kho NVL Materi	100	200	2	200	0	0	0
			Tổng phụ:	100	200		200	0	0	0
W	W	PC	1C Kho NVL Materi	100	300	3	300	0	0	0
			Tổng phụ:	100	300		300	0	0	0
X	X	PC	1A Kho thành phẩm	100	1,900	19	1,100	300	300	200
			Tổng phụ:	100	1,900		1,100	300	300	200
Y	Y	PC	1B Kho BTP Semico	100	300	5	300	0	0	200
			Tổng phụ:	100	300		300	0	0	200
Y1	Y1	PC	1C Kho NVL Materi	100	100	1	100	0	0	0
			Tổng phụ:	100	100		100	0	0	0
Y2	Y2	PC	1C Kho NVL Materi	100	200	2	200	0	0	0
			Tổng phụ:	100	200		200	0	0	0
Z	Z	PC	1B Kho BTP Semico	100	300	4	240	80	80	0
			Tổng phụ:	100	300		240	80	80	0
Z1	Z1	PC	1C Kho NVL Materi	100	100	1	100	0	0	0
			Tổng phụ:	100	100		100	0	0	0
Z2	Z2	PC	1C Kho NVL Materi	100	200	2	200	0	0	0
			Tổng phụ:	100	200		200	0	0	0
Loại:	120		Tổng cộng:	900	3,900		2,740	380	380	400

Tiền tồn kho = số tiền NVL + số tiền nhân công + số tiền chi phí SX + số tiền gia công

### Luyện tập 1:

MS	thuộc tính MS	SL	số tiền (\$)
V	P.sản phẩm mua	50	200
W	P.sản phẩm mua	50	300
Y1	P.sản phẩm mua	50	100
Y2	P.sản phẩm mua	50	200
Z1	P.sản phẩm mua	50	100
Z2	P.sản phẩm mua	50	200
Y	S.sản phẩm ủy thác gia công	50	450
Z	M.sản phẩm tự sản xuất	50	500
X	M.sản phẩm tự chế tạo	50	1,900

Giả sử công ty sẽ sử dụng hệ thống vào đầu tháng sau, hãy sử dụng loại chứng từ “11B đơn mở sổ giá thành” và thông qua “thao tác thiết lập chứng từ biến động kho” để nhập dữ liệu tồn kho như bảng trên. Sau đó sử dụng công cụ “tự động phát sinh dữ liệu điều chỉnh” trên thanh công cụ trong “Thao tác lập sổ/đơn điều chỉnh giá thành” để phân bổ giá thành cho “chi phí NVL / nhân công / sản xuất”.

P.tỷ lệ sản phẩm mua → NVL:nhân công:chi phí chế tạo:gia công = 100 : 0 : 0 : 0

S.tỷ lệ sản phẩm ủy gia công → NVL:nhân công:chi phí chế tạo:gia công = 60 : 0 : 0 : 40

M.tỷ lệ sản phẩm tự sản xuất → NVL:nhân công:chi phí chế tạo:gia công = 60 : 20 : 20 : 0

## b. Các chứng từ liên quan tới lượng tồn kho có ảnh hưởng mã giá

Mã ảnh hưởng giá vốn =Y.nguồn tính giá thành	
<u>hệ thống quản lý mua</u> đơn nhập hàng đơn trả hàng	<u>hệ thống quản lý lệnh sản xuất /nhờ ngoài</u> <div>●lệnh sản xuất không thuộc loại làm lại.</div> đơn nhập kho sản xuất đơn nhập hàng ủy thác gia công đơn trả lại hàng ủy thác gia công
<u>hệ thống quản lý tồn kho</u> <div>● đơn lỗi tồn kho</div>	
<u>hệ thống quản lý cấu trúc sản phẩm</u> đơn tổ hợp (đầu đơn)	

Mã ảnh hưởng giá thành=R.nguồn tính giá thành(làm lại)	
<u>hệ thống quản lý lệnh sản xuất/ủy thác gia công</u> <div>●Lệnh sản xuất làm lại</div> đơn nhập kho sản xuất đơn nhập hàng ủy thác gia công đơn trả lại hàng ủy thác gia công	

Mã ảnh hưởng giá thành=N.cho kết quả tính		
<u>hệ thống quản lý lệnh sản xuất/ủy thác gia công</u> <div>●lệnh sản xuất không làm lại</div> đơn lấy vật liệu đơn trả NVL	<u>hệ thống quản lý đơn đặt đặt</u> đơn bán hàng Phiếu trả hàng bán	
<u>hệ thống quản lý tồn kho</u> Chứng từ cho mượn Phiếu nhận lại hàng cho mượn Chứng từ chuyển kho		Chứng từ mượn Phiếu trả lại hàng mượn <div>●Chứng từ biến động kho</div>
<u>hệ thống quản lý bảo dưỡng</u> đơn tổ hợp(thân đơn) ton bóc tách		Phiếu tu sửa

mã ảnh hưởng giá thành=r.ghi kết quả tính toán (làm lại)	
<u>hệ thống quản lý lệnh sản xuất/nhờ ngoài</u> <div>●lệnh sản xuất (làm lại)</div> đơn lãnh NVL đơn trả NVL	

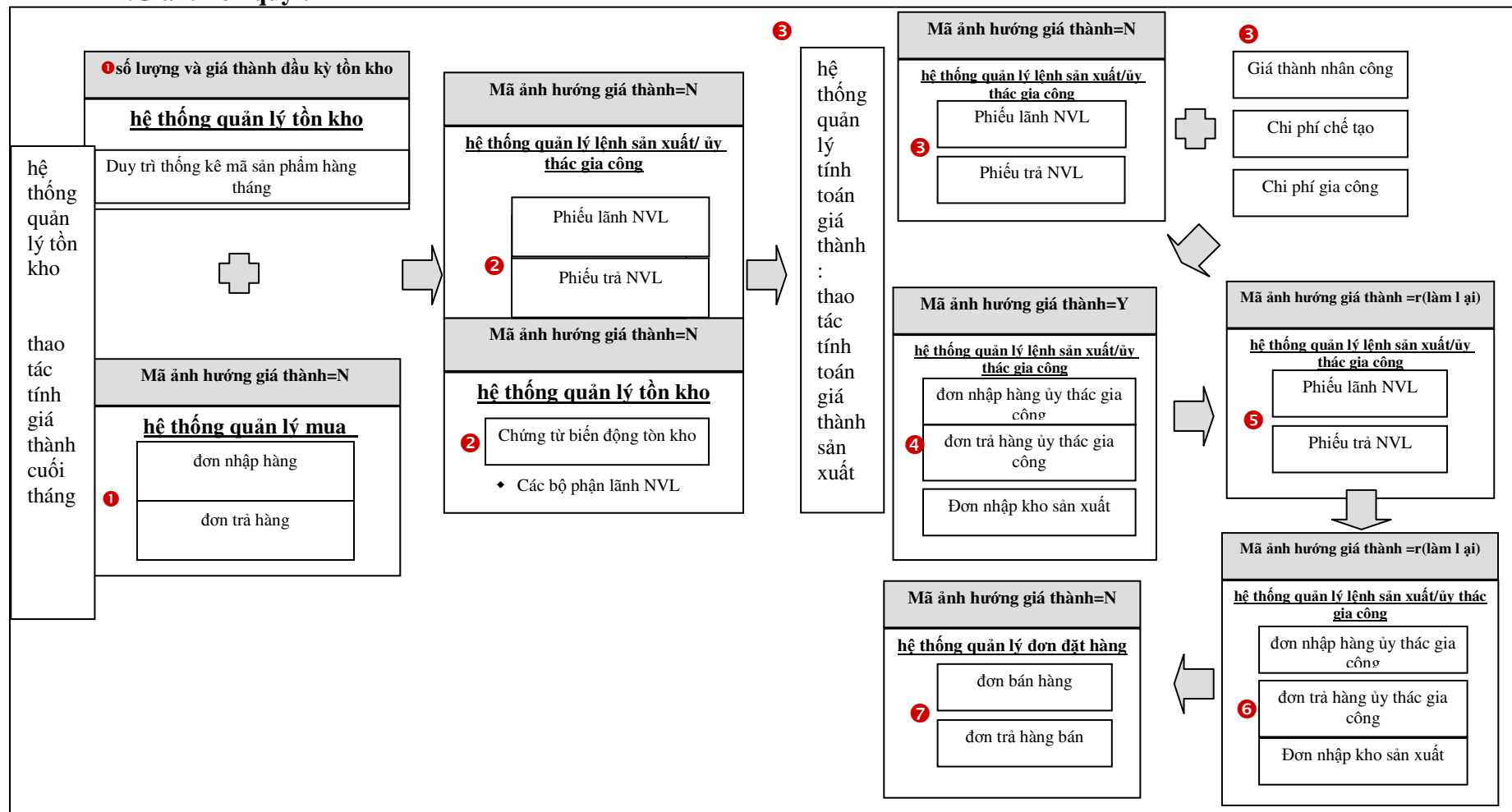
Mã ảnh hưởng giá thành=y. điều chỉnh giá thành	
<u>hệ thống quản lý tồn kho</u> Phiếu điều chỉnh giá thành <div>●chứng từ biến động kho</div>	

- ❶ Ngoài “tính chất chứng từ=11:phiếu thay đổi thường” của “hệ thống quản lý kho” có thể tự do chọn “mã ảnh hưởng giá thành”, các loại tính chất chứng từ còn lại đều do hệ thống quy định sẵn “mã ảnh hưởng giá thành”.
- ❷ “Lệnh sản xuất không thuộc loại làm lại” dùng để chỉ việc lãnh NVL cần thiết để gia công, hoàn thiện thành phẩm tiến hành nhập kho. Còn “Lệnh sản xuất làm lại” là lãnh các sản phẩm (thành phẩm) có lỗi để gia công làm lại, sau đó tiến hành nhập lại mã sản phẩm đó vào kho, nói một cách đơn giản là sản phẩm A để gia công làm lại tiến hành nhập kho sản phẩm A, hai loại việc gia công này có nhiều điểm tương đồng nhau. Do đó hệ thống quy định việc lãnh thành phẩm trong “Lệnh sản xuất làm lại” có mã ảnh hưởng giá thành là “r”, lãnh NVL trong gia công hoàn thiện sản phẩm có mã ảnh hưởng giá thành là “R”



### c.Mã ảnh hưởng giá thành và logic tính toán

## 1. Giải thích quy trình



Khi tính toán giá thành cần thử hiện cả 2 thao tác, sau đây là sự ảnh hưởng của 2 thao tác này đối với “chứng từ ảnh hưởng giá thành” :

### 1). Hệ thống quản lý tồn kho \ thao tác hàng loạt \ Thao tác tính giá vốn tồn kho cuối tháng

❶ Đầu tiên cộng “giá thành đầu kỳ” và “số tiền nhập hàng kỳ này” (mã ảnh hưởng giá thành=Y.nguồn tính giá thành), sau đó lấy kết quả tính được chia cho tổng số lượng sản phẩm, ta được giá thành vật liệu nguyên trên mỗi đơn vị.

Giá thành bình quân gia quyền tháng =  
trên mỗi sản phẩm

giá thành đầu kỳ+giá thành trong kỳ (ảnh hưởng giá thành=Y)

số lượng đầu kỳ+số lượng trong kỳ (ảnh hưởng giá thành=Y)

❷ Sau đó lấy kết quả tính toán được từ ❶ để cập nhật “đơn lãnh/trả NVL” và “chứng từ biến động tồn kho\_các bộ môn lãnh NVL” (mã ảnh hưởng giá thành=N.cho kết quả tính).

Ghi chú: tham khảo giáo trình elearning “hệ thống quản lý tồn kho \ kết toán và thanh toán của giá thành tồn kho”.

### 2). Hệ thống quản lý tính toán giá thành \ thao tác hàng loạt \ Thao tác tính giá thành sản xuất

❸ Khi tính toán giá thành trong lệnh sản xuất thực tế, sẽ phân bổ lại “giá thành NVL”, “giá thành nhân công”, “chi phí gia công”

❹ Kết quả tính toán sẽ được cập nhật trong lệnh sản xuất (không thuộc loại làm lại) như: “sản xuất nhập kho”, “nhập hàng ủy thác gia công” và “trả hàng ủy thác gia công” (mã ảnh hưởng giá thành=Y.nguồn tính giá thành)

❺ Nếu có “lệnh sản xuất làm lại” trong tháng, thì việc lãnh/trả nguyên vật liệu thuộc bán thành phẩm và thành phẩm (mã ảnh hưởng giá thành=r.cho kết quả tính\_làm lại) sẽ được hệ thống lấy kết quả tính toán lại giá thành “sản xuất nhập kho”, “nhập hàng ủy thác gia công” và “trả hàng ủy thác gia công” từ bước ❹ để tính lại giá bình quân gia quyền:

Giá thành bình quân gia quyền tháng =  
trên mỗi sản phẩm

giá thành đầu kỳ+giá thành trong kỳ (ảnh hưởng giá thành=Y)

số lượng đầu kỳ+số lượng trong kỳ (ảnh hưởng giá thành=Y)

kết quả tính toán được sẽ được cập nhật vào giá thành đơn vị của phiếu lãnh/trả NVL trong lệnh sản xuất làm lại.

❻ cộng giá thành đơn vị của phiếu lãnh/trả NVL vào giá thành đơn vị của “giá thành nhân công”, “chi phí sản xuất” và “chi phí gia công” (mã ảnh hưởng giá thành=R.nguồn tính toán giá thành-làm lại). trong phần thân đơn lệnh sản xuất làm lại để tính ra giá thành đơn vị

❼ tính lại giá bình quân gia quyền một lần nữa, để tính giá thành đơn vị trong tháng, kết qur tính toán được chính là giá vốn đơn vị trong đơn bán/trả hàng, giá thành đơn vị bình quân gia quyền của lần này sẽ được tính như sau:

Giá thành bình quân gia quyền trên mỗi đơn vị =

giá thành đầu kỳ+giá thành trong kỳ(ảnh hưởng giá thành là Y+mã ảnh hưởng giá thành là R-mã ảnh hưởng giá thành là R)

số lượng đầu kỳ+số lượng trong kỳ(ảnh hưởng giá thành là Y+mã ảnh hưởng giá thành là R-mã ảnh hưởng giá thành là R)

Ghi chú: tham khảo thêm module “hệ thống quản lý tính toán giá thành”.

## 2. Giải thích ví dụ và trọng điểm

- ♦ Vị trí thao tác:
  - hệ thống quản lý tồn kho \ thao tác hàng loạt \ Thao tác tính lại lượng tồn kho hiện có
  - hệ thống quản lý tồn kho \ thao tác hàng loạt \ Thao tác tính giá vốn tồn kho cuối tháng
  - hệ thống quản lý tồn kho \ thao tác chỉnh sửa \ Thao tác duy trì chi tiết biến động
  - hệ thống quản lý tồn kho \ thao tác chỉnh sửa \ Thao tác duy trì thông kê sản phẩm hàng tháng
- ♦ Giải thích ví dụ: vào tháng 11, công ty nhập 2 loại hàng lãnh 1 loại hàng sản phẩm có mã V, sau đó thực hiện “thao tác tính giá vốn tồn kho cuối tháng”, để tính giá vốn đơn vị của sản phẩm V.

Mã sản phẩm: V

phân loại	Mã chứng từ	đơn giá(\$)	Số lượng	số tiền(\$)
đầu kỳ		2	100	200
nhập hàng	34F-080805001	2.5	50	125
nhập hàng	34F-080810001	3	100	300
Chứng từ biến động kho	111-080813001	?	20	?

### **Bước 1:** thao tác tính lại lượng tồn kho hiện có

- ♦ Giải thích trọng điểm:
  1. Để đảm bảo tính chính xác, trước khi thực hiện “thao tác tính giá vốn tồn kho cuối tháng”, ta cần thực hiện trước” thao tác tính lại lượng tồn kho hiện có” .

Có thể xem kết quả thực hiện trong “Thao tác duy trì thống kê sản phẩm hàng tháng”:

Thao tác thống kê sản phẩm hàng tháng(INVT10)[Success]  
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Mã SP

Tháng năm tồn kho  Đơn vị  ĐV nhỏ

Tổng SL đầu tháng  Tên SP

Tổng CP đầu tháng  Quy cách

Ghi chú

**DL CP NVL và nhân công** Xem DL

CP đầu tháng-NVL  GT ĐV

CP đầu tháng-nhân công  GT ĐV-NVL

Giá vốn đầu tháng-CP SX  GT ĐV-nhân công

CP đầu tháng-GC  GT ĐV-CP SX

GT ĐV-GC

Kho	Tên kho	Tính chất kho	CP đầu tháng	SL đầu tháng	SL nhập kho tháng này	Số tiền nhập kho tháng này	SL xuất kho tháng này	Số tiền xuất kho tháng này
1C	Material	1.Kho hàng tồn	200	100	0	0	0	0
SL hàng bán tháng này		Tiền bán hàng tháng này	Số tiền bán trả tháng này	Số tiền bán trả tháng này	SL NVL lãnh tháng này	Tiền NVL lãnh tháng này	SL NVL trả lại tháng này	
0		0	0	0	0	0	0	0
Tiền NVL trả lại tháng này		SL chuyển nhập tháng này	Số tiền chuyển nhập tháng này	SL chuyển xuất tháng này	Số tiền hàng chuyển xuất tháng này	SL điều chỉnh tháng này (nhập)		
0		0	0	0	0	0	0	0
Tiền điều chỉnh tháng này (nhập)		SL điều chỉnh tháng này (xuất)	Tiền điều chỉnh tháng này (xuất)	GT tháng này-NVL	GT tháng này-nhân công	Giá vốn tháng này-CP SX		
0		0	0	0	0	0	0	0
CP tháng này-GC		GT cuối kỳ						
0		200						

Browse Số môn DL nội dung: 1 127.0.0.1 - 211

**Bước 2:** Thao tác tính giá vốn tồn kho cuối tháng.

Thao tác tính giá vốn tồn kho cuối tháng(INVB03)[Success]

Mục chọn cơ bản Tùy chọn loại T Tính Mục chọn HT

Tháng năm hiện hành

Tính CP

☒ Chu cập nhật tháng/năm hiện tại

☐ Cập nhật giờ hiện hành

☐ Cập nhật giá thành ĐV của HS kiểm kê

Chọn mã SP

Từ  Đến

1. Trước khi thực hiện chương trình phải thiết lập ngày đóng băng của TK đến Cuối tháng hiện tại, để bảo đảm người sử dụng khác Không chỉnh sửa DL

2. Vui lòng xác nhận năm hiện hành trước khi thực hiện thao tác này

Toàn bộ NVL tháng này đã nhập vào, và không có người khác đang dùng HT này thì có thể đảm bảo tính chính xác của DL

CN  
Hủy bỏ  
Chu kỳ  
Đặt riêng

♦ Giải thích trọng điểm:

- Hệ thống sẽ căn cứ vào “năm tháng tồn kho hiện hành” được thiết lập trong “thao tác thiết lập tham số xuất nhập tồn kho” để tính ra tính tháng năm hiện hành tính giá vốn. Có thể theo dõi kết quả thực hiện trong thao tác “Thao tác duy trì thống kê sản phẩm hàng tháng”

Thao tác thống kê sản phẩm hàng tháng(INV110)[Success]

DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Mã SP

Tháng năm tồn kho  Đơn vị  ĐV nhỏ

Tổng SL đầu tháng  Tên SP

Tổng CP đầu tháng  Quy cách

Ghi chú

**DL CP NVL và nhân công** Xem DL

CP đầu tháng-NVL  GT ĐV

CP đầu tháng-nhân công  GT ĐV-NVL

Giá vốn đầu tháng-CP SX  GT ĐV-nhân công

CP đầu tháng-GC  GT ĐV-CP SX

GT ĐV-GC

Kho	Tên kho	Tính chất kho	CP đầu tháng	SL đầu tháng	SL nhập kho tháng này	Số tiền nhập kho tháng này	SL xuất kho tháng này	Số tiền xuất kho tháng này
1C	Material	1:Kho hàng tồn	200	100	150	425	0	0
SL hàng bán tháng này			Tiền bán hàng tháng này	Số tiền bán tr tháng này	Số tiền bán tr tháng này	SL NVL lĩnh tháng này	Tiền NVL lĩnh tháng này	SL NVL tr lại tháng này
0			0	0	0	20	48	0
Tiền NVL tr lại tháng này			SL chuyển nhập tháng này	Số tiền chuyển nhập tháng này	SL chuyển xuất tháng này	Số tiền hàng chuyển xuất tháng này		
0			0	0	0	0		
SL điều chỉnh tháng này (nhập)			Tiền điều chỉnh tháng này (nhập)	SL điều chỉnh tháng này (xuất)	Tiền điều chỉnh tháng này (xuất)	GT tháng này-NVL	GT tháng này-nhân công	
0			0	0	0	385	0	
Giá vốn tháng này-CP SX			CP tháng này-GC	GT cuối kỳ				
0			0	585				

Browse Số môn DL nội dung: 1 127.0.0.1 - 211

♦ Giải thích trọng điểm:

- Công thức tính giá thành bình quân gia quyền tháng như sau:

$$\text{Giá thành bình quân gia quyền tháng trên mỗi đơn vị} = \frac{\text{giá thành đầu kỳ} + \text{giá thành lỗi kỳ này} (\text{ảnh hưởng giá thành} = Y)}{\text{số lượng đầu kỳ} + \text{số lượng lỗi kỳ này} (\text{ảnh hưởng giá thành} = Y)}$$

$$= \frac{\$200 + \$125 + \$300}{100 + 50 + 100} = \$2.5$$

Đơn nhập hàng “34F-080805001” và “34F-080810001” có “ảnh hưởng giá thành=Y:nguồn tính toán giá thành”, do đó dữ liệu của chúng sẽ được hệ thống sử dụng để tính toán lại giá thành:

Thao tác chỉnh sửa chi tiết biến động(INV109)[Success]  
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

**Chi tiết** Xem DL

Mã SP	V	SL chỉnh sửa	50
Tên SP	V	GT òV	2.5
Quy cách		Số tiền	125
Đơn vị	PCS	Đơn vị nhỏ	
Ngày	2008/08/05	Số tiền-NVL	125
Loại nhập xuất	Nhập kho	Số tiền-Nhân công	0
Loại CT	34F Goods Rec. Order D	Số tiền-CP SX	0
Mã CT	080805001	Số tiền-GC	0
STT	0001	Mục thay đổi	1.Nhập kho
Mã kho	IC	Ảnh hưởng GT	Y.Nguồn tính giá thành
Tính chất kho	1.Kho hàng tồn	Số lô	
Ghi chú	DSC		
		DATECODE	

Browse 127.0.0.1 - 211

Thao tác chỉnh sửa chi tiết biến động(INV109)[Success]  
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

**Chi tiết** Xem DL

Mã SP	V	SL chỉnh sửa	100
Tên SP	V	GT òV	3
Quy cách		Số tiền	300
Đơn vị	PCS	Đơn vị nhỏ	
Ngày	2008/08/10	Số tiền-NVL	300
Loại nhập xuất	Nhập kho	Số tiền-Nhân công	0
Loại CT	34F Goods Rec. Order D	Số tiền-CP SX	0
Mã CT	080810001	Số tiền-GC	0
STT	0001	Mục thay đổi	1.Nhập kho
Mã kho	IC	Ảnh hưởng GT	Y.Nguồn tính giá thành
Tính chất kho	1.Kho hàng tồn	Số lô	
Ghi chú	DSC		
		DATECODE	

Browse 127.0.0.1 - 211

Giá vốn NVL lãnh ra trong “chứng từ biến động tồn kho 111-080813001” có “ảnh hưởng giá thành=N.cho kết quả tính” sẽ được tính theo giá bình quân gia quyền tháng trên mỗi đơn vị sản phẩm như kết quả ở trên.

## Bài tập 2:

Đối với mã sản phẩm W, tháng này công ty nhập 2 đợt hàng, lãnh 1 lần NVL (như bảng dưới đây), hãy thực hiện “thao tác tính giá vốn tồn kho cuối tháng” để tính giá vốn đơn vị sản phẩm W của tháng.

Mã sản phẩm = W

Phân loại	MS	Đơn giá(\$)	SL	số tiền(\$)
đầu kỳ		?	?	?
nhập hàng Nhà Cung cấp 1011	loại đơn = 34F chứng từ của ngày 7 tháng này	4	100	400
nhập hàng Nhà cung cấp 1011	loại đơn = 34F chứng từ của ngày 10 tháng này	5	100	500
Chứng từ biến động tồn kho	loại đơn = 111 chứng từ của ngày 12 tháng này	?	50	?

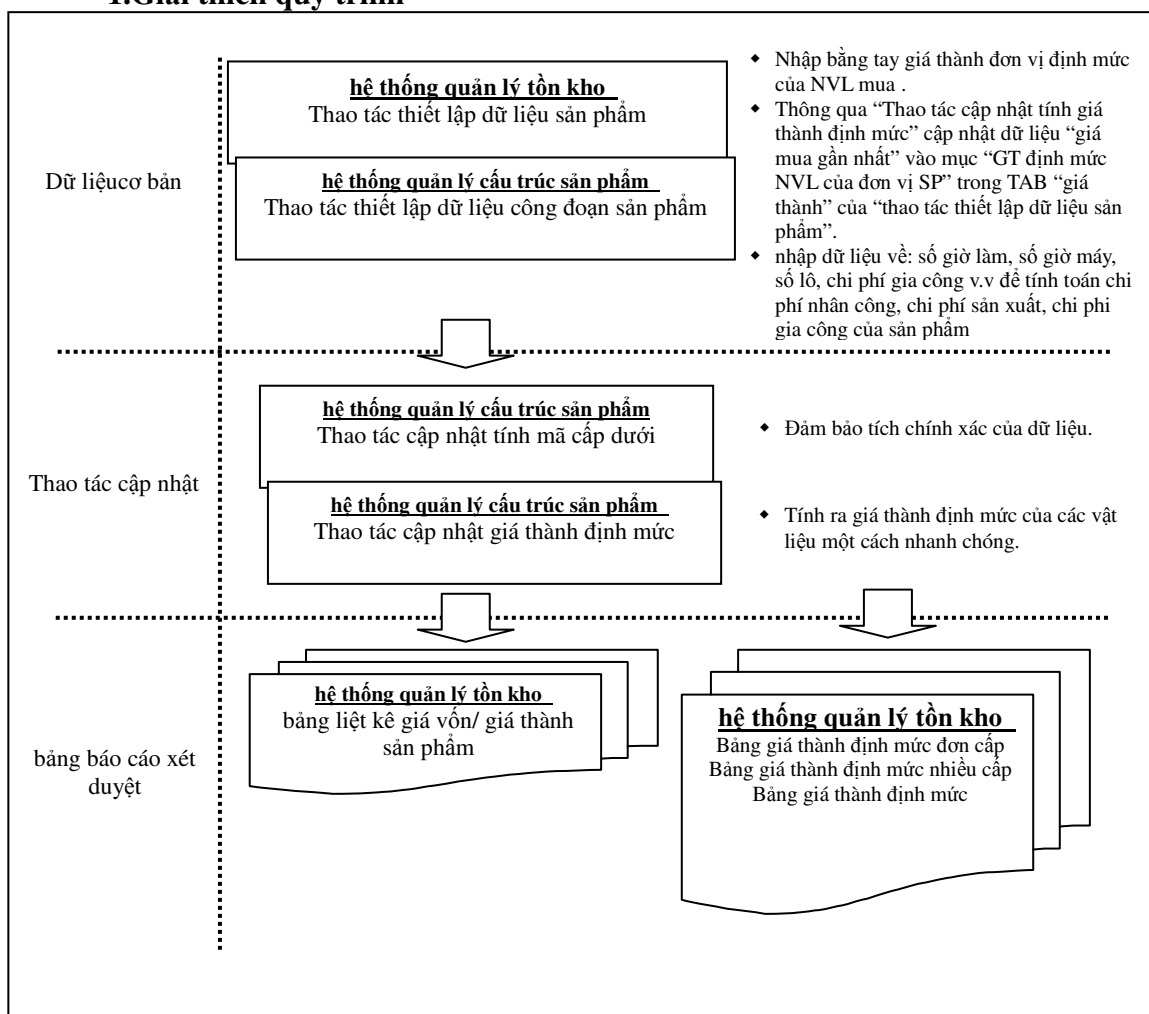
Ghi chú 1: Giá trị đầu kỳ chủ yếu lấy từ kết quả lưu trình 1.

Ghi chú 2: trước khi thực hiện hãy chắc chắn rằng bạn đã CONFIRM 3 loại chứng từ tương ứng trong bảng trên. Vị trí thao tác các chứng từ này như sau:

- Đơn nhập hàng: hệ thống quản lý mua hàng \ xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập phiếu nhập hàng
- Chứng từ biến động tồn kho: hệ thống quản lý tồn kho \ xử lý biến động hàng ngày \ Thao tác thiết lập chứng từ biến động kho.

## d. Quy trình tính toán giá thành định mức:

### 1. Giải thích quy trình



Ghi chú: tham khảo giáo trình điện tử “hệ thống quản lý cấu trúc sản phẩm \ tính toán giá thành định mức”.



## 2. Giải thích trọng điểm và ví dụ

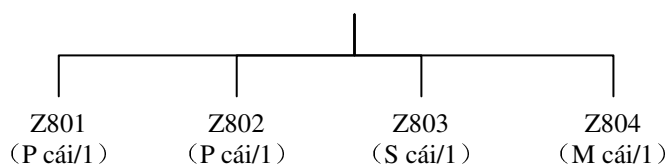
### ♦ Vị trí thao tác:

- hệ thống quản lý tồn kho \ quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập dữ liệu sản phẩm (kế toán).
- hệ thống quản lý cấu trúc sản phẩm \ quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập dữ liệu lượng dùng BOM.
- hệ thống quản lý cấu trúc sản phẩm \ quản lý dữ liệu cơ bản \ Thao tác thiết lập dữ liệu công đoạn sản phẩm.
- hệ thống quản lý cấu trúc sản phẩm \ thao tác hàng loạt \ Thao tác cập nhật tính mã cấp dưới.
- hệ thống quản lý kết cấu sản phẩm \ thao tác hàng loạt \ Thao tác cập nhật giá thành định mức.

### ♦ Giải thích trọng điểm: tính toán giá định mức của sản phẩm Z701.

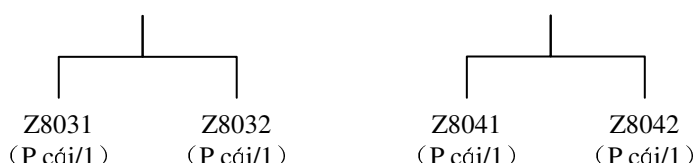
BOM của mã sản phẩm Z701 như sau:

Mã sản phẩm : **Z701 (M cái)**



Mã số: **Z803 (S cái)**

Mã số: **Z804 (M cái)**



### Chú thích:

M → sản phẩm tự tạo

S → sản phẩm ủy thác gia công

P → sản phẩm mua

**Ví dụ:** “P cái/1” dùng để chỉ đây là sản phẩm mua lượng dùng BOM là 1.

### **Bước 1:** thực hiện “Thao tác cập nhật tính mã cấp dưới”

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Để đảm bảo tính chính xác của dữ liệu, trước tiên ta cần thực hiện “thao tác cập nhật tính mã cấp dưới”, sau đó mới thực hiện “thao tác cập nhật tính giá thành định mức”.

Có thể kiểm tra kết quả thực hiện ở TAB “dữ liệu cơ bản 2” trong “thao tác thiết lập dữ liệu sản phẩm”.

The screenshot shows the 'Thao tác thiết lập dữ liệu sản phẩm(INV102)[DEMO]' window. The 'DL cơ bản 2' tab is selected. The 'Mã SP' field is highlighted in red. The 'Mã cấp dưới' field is highlighted in red. The 'Mã SP C đoạn chuẩn' field is highlighted in red. The 'Mã công đoạn chuẩn' field is highlighted in red. The 'Mã SP' field is highlighted in red.

**Bước 2:** thực hiện “Thao tác cập nhật tính giá thành định mức”

The screenshot shows the 'Thao tác cập nhật tính giá thành định mức(BOMB06)[DEMO]' window. The 'Mục chọn HT' tab is selected. The 'Chọn mã NVL chính' section is highlighted in red. The 'Chọn kỳ' checkbox is checked. The 'Từ' field is highlighted in red. The 'Đến' field is highlighted in red. The 'Ngày có hiệu lực NVL' field is highlighted in red. The 'Tính tỷ lệ khấu hao' checkbox is checked. The 'Tính CP NVL theo giá mua gần nhất' checkbox is checked. The 'Cập nhật GT cấp này' dropdown is highlighted in red.

♦ Giải thích trọng điểm:

1. Nếu nhấn chọn “tính tỷ lệ khấu hao”, hệ thống sẽ căn cứ vào tỷ lệ khấu hao được thiết lập trong BOM để cập nhật cả tỷ lệ này vào “giá thành định mức” trong “thao tác thiết lập dữ liệu sản phẩm”
2. Nếu sử dụng phương thức bình quân gia quyền tháng để tính giá thành, và sử dụng giá thành định mức để tham khảo tính toán, ta có thể nhấn chọn “tính CP NVL theo giá mua gần nhất”. Nếu TAB “giá bán” trong “thao tác thiết lập dữ liệu sản phẩm” có thiết lập dữ liệu “giá mua gần nhất”, hệ thống sẽ sử dụng dữ liệu này để tính toán giá thành định mức của NVL. Mục “Giá mua gần nhất” sẽ do hệ thống tự động cập nhật khi ta CONFIRM đơn nhập hàng.  
(Ghi chú: Nếu sử dụng “phương pháp tính thành định mức” để tính giá vốn ta không nên chọn mục này.)
3. Nếu chọn “cập nhật GT cấp này = cập nhật tất cả”, hệ thống sẽ căn cứ vào tham số thiết lập trong “thao tác thiết lập dữ liệu công đoạn sản phẩm” để tính “giá nhân công”, “chi phí sản xuất”. “chi phí gia công” của bán thành phẩm/thành phẩm ở từng cấp.

Có thể kiểm tra kết quả thực hiện ở TAB “giá thành” trong “thao tác thiết lập dữ liệu sản phẩm”.

**Thao tác thiết lập dữ liệu sản phẩm(INV102)[Success]**  
DL (D) Tác dụng(F) Thoát (X)

Mã SP: Z701 | Tên SP: Z701 | Quy cách: | Mã hàng: 0 | SIZE: | Ngày xét duyệt mã SP mới: |

Đơn vị: PCS | SL tồn kho: 0 | Số tiền tồn kho: 0 | GT đV: 0 | SL đóng gói: 0

**Giá thành**

GT định mức NVL của đV SP@: 20 | Nhân công cấp này @: 200  
 GT định mức nhân công của đV SP@: 200 | CP SX cấp này@: 240  
 GT định mức CP SX chung của đV SP@: 240 | GC cấp này @: 0  
 CP định mức GC của đV SP@: 0 | Tổng GT cấp này @: 440  
 Tổng GT định mức @: 460 | Số giờ công cơ bản: 1

Kho	Tên kho	Tính chất kho	Mã xương	Tên xương	Vị trí

Browse | Số môn DL nội dung: 0 | 127.0.0.1 - 211

**Giá bán**

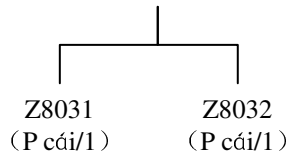
Gồm thuế | Giá mua định mức: 0 | Thuế suất hai quan: 0 % | Gồm thuế | Định giá bán 1: 0  
 Gồm thuế | Giá bán định mức: 0 | Thuế suất HH: 0 % | Gồm thuế | Định giá bán 2: 0  
 Gồm thuế | Giá mua gần nhất: NTD \$ 5 | (Nội tệ: NTD 5) | Gồm thuế | Định giá bán 3: 0  
 Gồm thuế | Giá bán lẻ: 0 | Gồm thuế | Định giá bán 4: 0  
 Gồm thuế | Giá sản bán hàng: 0 | Gồm thuế | Định giá bán 5: 0  
 Gồm thuế | Gồm thuế | Định giá bán 6: 0

- Sản phẩm mua: vì ta chọn “giá nhập hàng gần nhất” làm “giá thành tính toán NVL”, do đó hệ thống sẽ sử dụng dữ liệu ở TAB “giá bán” trong “thao tác thiết lập dữ liệu sản phẩm” làm “giá thành định mức NVL của đơn vị sản phẩm”. Vì chúng ta không sản xuất mà trực tiếp mua “sản phẩm mua” nên hệ thống chỉ cập nhật mục “giá mua định mức”

Mã sản phẩm	Giá NVL	Giá nhân công	Chi phí chế tạo	Chi phí gia công
Z801	\$5	0	0	0
Z802	\$6	0	0	0
Z8031	\$3	0	0	0
Z8032	\$2	0	0	0
Z8041	\$2	0	0	0
Z8042	\$2	0	0	0

➤ Sản phẩm ủy thác gia công:

Mã sản phẩm: **Z803 (S cối)**



Mã sản phẩm	vật liệu	nhân công	Chi phí chế tạo	Gia công
Z803	\$5	\$0	\$0	\$10

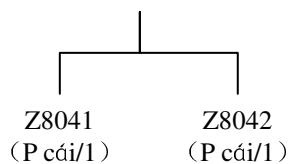
Giá thành NVL là tổng giá thành của 2 mã cấp dưới có sản phẩm Z8031 (giá thành NVL=\$3) và Z8032 (giá thành NVL=\$2), do đó giá NVL của mã sản phẩm Z803 sẽ là \$5

Giá thành gia công cấp này được thể hiện ở cột “ĐG GC” \$10 trong “thao tác thiết lập dữ liệu công đoạn sản phẩm”

➤ Sản phẩm tự sản xuất

① Mã sản phẩm Z804

Mã sản phẩm: **Z804 (M cối)**



Mã sản phẩm	NVL	Giá nhân công	Chi phí chế tạo	Chi phí Gia công
Z804	\$4	\$150	\$180	\$0

Ghi chú:

“Dây chuyền sản xuất 1” được thiết lập trong “Thao tác thiết lập dữ liệu dây chuyền sản xuất” có “giá thành nhân công định mức=100/giờ nhân công”, “chi phí chế tạo định mức=120/giờ nhân công”, mặt khác trong “thao tác thiết lập công đoạn sản xuất” được thiết lập là: để sản xuất 1 sản phẩm Z804 phải tốn 50 giờ công cố định và 40 giờ biến động, do đó để sản xuất 1 sản phẩm Z804 cần tốn tổng cộng 90 giờ công.

Thứ tự GC	Mã Cỗ SX	Tên Cỗ SX	Tính chất	Mã DCSX/NCC	Tên DCSX/NCC
0010	101	Workstation1	1:Trong xương	601	P/Line 1
0020	102	Workstation2	1:Trong xương	601	P/Line 1

Giờ công theo đợt	Giờ công cố định	Giờ công thay đổi	Giờ máy cố định	Giờ máy thay đổi	Lượng đặt đi chuyển	Số ngày cố định	Số ngày thay đổi	Số ng
1	0000:20:00	0000:20:00	0000:00:00	0000:00:00	500	0	1	
1	0000:30:00	0000:20:00	0000:00:00	0000:00:00	100	0	2	

Vì vậy giờ nhân công và chi phí chế tạo cấp này được tính theo công thức sau:

$$\text{Giá thành nhân công cấp này} = \frac{90 \text{ phút}}{60 \text{ phút}} \times \$100 = \$150$$

$$\text{Chi phí chế tạo cấp này} = \frac{90 \text{ phút}}{60 \text{ phút}} \times \$120 = \$180$$

Tính toán giá thành định mức:

$$\begin{aligned} &\text{Giá thành NVL} = \text{giá NVL } (\$2) \text{ của Z8041} + \text{giá NVL } (\$2) \text{ của Z8042} \\ &= \$4 \end{aligned}$$

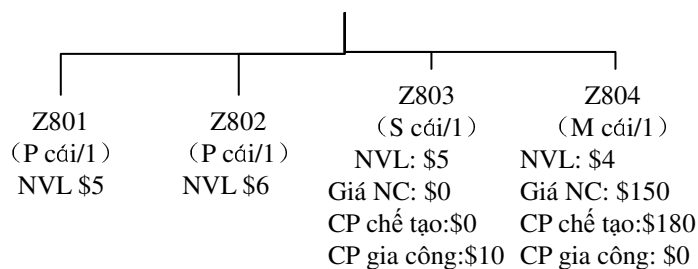
$$\text{Giá thành nhân công} = \text{nhân công cấp này} = \$150$$

$$\text{Chi phí chế tạo} = \text{chi phí chế tạo cấp này} = \$180$$

$$\text{Chi phí gia công} = 0$$

## ②Mã sản phẩm Z701

Mã sản phẩm: **Z701 (M cái)**



Mã sản phẩm	NVL	Giá nhân công	Chi phí chế tạo	Chi phí Gia công
Z01	\$20	\$350	\$420	\$10

Ghi chú:

“Dây truyền sản xuất 1” được thiết lập trong “Thao tác thiết lập dữ liệu dây chuyền sản xuất” có “giá thành nhân công định mức=100/giờ nhân công”, “chi phí chế tạo định mức=120/giờ nhân công”, để sản xuất 1 sản phẩm Z701 phải tốn 60 giờ công cố định và 60 giờ biến động, do đó để sản xuất 1 sản phẩm Z804 cần tổng cộng 120 giờ công.

**Chi tiết** | Xem DL

Số đường: Z701 | Mã đường: 001

Tên VP: Z701 | Tên đường:

QC: | Chú ý:

ĐV: PCS

Thứ tự gia công	MS TTCT	Tên TTCT	TC	Đơn giá gia công	Đơn vị GC	Mã số dây/nhà máy	Tên dây/nhà máy
0010	103	Workstation3	1:Trong NM	0	PCS	601	製一課
0020	104	Workstation4	1:Trong NM	0	PCS	601	製一課

Số giờ làm theo đợt	Giờ nhân công CB	ĐC số giờ NC	Giờ máy cố định	Điều chỉnh số giờ máy	Diễn giải TTCT	Lượng di chuyển
1	0000:30:00	0000:30:00	0000:00:00	0000:00:00	表面図様印刷	500
1	0000:30:00	0000:30:00	0000:00:00	0000:00:00	装入保証書, 説明書, 装	100

Browse | Detail Record Counts: 2 | 103 Workstation3 | 127.0.0.1 - 211



Vậy kết quả tính toán giá thành nhân công và chi phí chế tạo của cấp này như sau:

$$\text{Giá thành nhân công cấp này} = \frac{120 \text{ phút}}{60 \text{ phút}} \times \$100 = \$200$$

$$\text{chi phí chế tạo cấp này} = \frac{120 \text{ phút}}{60 \text{ phút}} \times \$120 = \$240$$

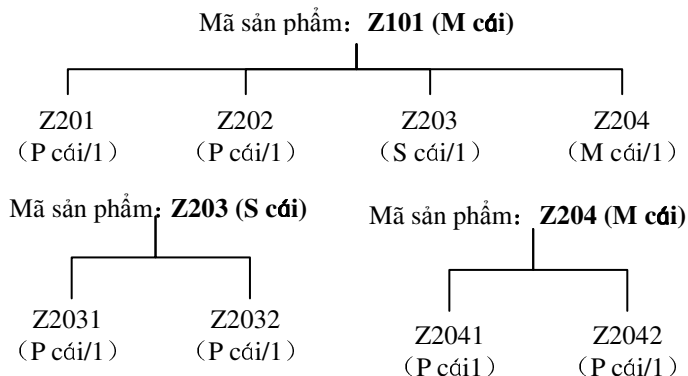
Và tính ra giá thành định mức:

- giá thành đơn vị NVL = giá thành NVL(\$5) của Z801 + giá thành NVL (\$6) của Z802 + giá thành NVL (\$5) của Z803 + giá thành NVL (\$4) của Z804 = \$20
- giá thành nhân công trên mỗi đơn vị = giá nhân công cấp này + giá nhân công cấp sau = \$200 + \$150 = \$350
- chi phí chế tạo trên mỗi đơn vị = chi phí chế tạo cấp này + chi phí chế tạo cấp sau = \$240 + \$180 = \$420
- chi phí gia công trên mỗi đơn vị = chi phí gia công cấp này + chi phí gia công cấp sau = \$0 + \$10 = \$10

### Bài tập 3:

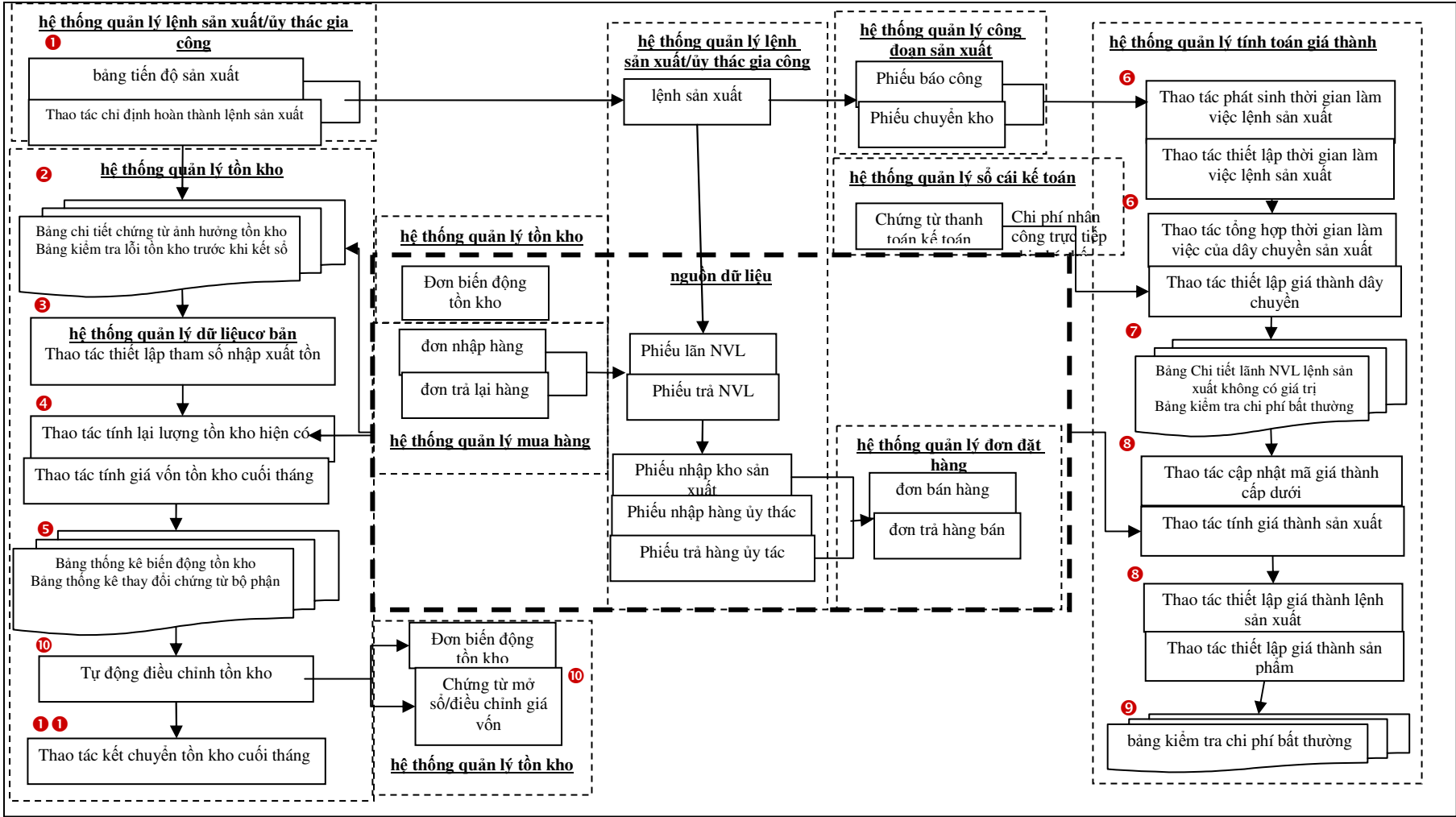
Thông qua “thao tác cập nhật tính giá thành định mức” tính giá thành định mức sản phẩm có mã Z101 và sản phẩm cấp dưới của nó.

Ghi chú: giá NVL được tính theo “giá nhập hàng gần nhất”.



Mã sản phẩm	giá NVL	giá thành nhân công	Chi phí chế tạo	Chi phí gia công
Z101				
Z201				
Z202				
Z203				
Z204				
Z2031				
Z2032				
Z2041				
Z2042				

### e. Quy trình kết chuyển giá thành



### ❶ Kiểm tra lệnh sản xuất chưa hoàn thành

Có thể vào “hệ thống quản lý lệnh sản xuất/ủy thác \ in bản báo cáo \ bảng tiến trình sản xuất” (chọn “trạng thái xác nhận=đã xác nhận” và nhấn chọn mục “chưa sản xuất”, “NVL đã lãnh”, “đang sản xuất” trong phần “trạng thái lệnh sản xuất”) để in báo biểu, đối với các lệnh sản xuất không còn sản xuất nữa, trước tiên hãy tiến hành trả NVL, sau đó vào “hệ thống quản lý lệnh sản xuất/nhờ ngoài \ thao tác hàng loạt \ thao tác hoàn công chỉ định kết thúc lệnh sản xuất”, để chỉ định kết thúc lệnh sản xuất tương ứng.

### ❷ Xác nhận chứng từ lỗi liên quan và kiểm tra tình trạng chứng từ lỗi

Vào “hệ thống quản lý tồn kho \ bảng kê và bảng chi tiết \ bảng chi tiết chứng từ ảnh hưởng tồn kho” (chọn “trạng thái xác nhận=chưa xác nhận”), CONFIRM các chứng từ biến động tồn kho, đồng thời in “bảng kiểm tra lỗi tồn kho trước khi kết sổ” để kiểm tra các chứng từ có lỗi hay không

### ❸ Thiết lập ngày đóng băng

Để tránh việc dữ liệu đã kiểm kê bị người khác vô tình sửa đổi, hãy vào “hệ thống quản lý dữ liệu cơ bản \ thao tác thiết lập \ thao tác thiết lập nhập xuất tồn”, thiết lập “năm tháng khóa sổ tồn kho” là ngày cuối của tháng tính toán giá thành.

### ❹ Tính lại tồn kho hiện có và tính giá giá thành cuối tháng

Để xác định tính chính xác của số lượng tồn kho, cần thực hiện “hệ thống quản lý tồn kho \ thao tác hàng loạt \ thao tác tính lại tồn kho hiện có”, để thống kê “giá thành gián tiếp của việc lãnh NVL”, thuận lợi cho việc tổng hợp chi phí sản xuất, sau đó vào “hệ thống quản lý tồn kho \ thao tác hàng loạt \ thao tác tính giá thành cuối tháng” để tính giá bình quân gia quyền tháng.

### ❺ tính toán giá thành lãnh NVL gián tiếp

Muốn thống kê chi tiết tình trạng lãnh NVL gián tiếp, có thể vào “hệ thống quản lý tồn kho \ in b \ bảng thống kê biến động tồn kho” để xem. Nếu muốn xem bảng chi tiết lãnh NVL gián tiếp của các bộ phận, có thể vào “hệ thống quản lý tồn kho \ in báo biểu \ bảng thống kê thay đổi chứng từ lỗi bộ phận”.

### ❻ Thu tập và tổng hợp số giờ công

“Hệ thống quản lý tính toán giá thành \ thao tác hàng loạt \ Thao tác phát sinh thời gian làm việc lệnh sản xuất” cung cấp 4 phương pháp thu tập số giờ công, có thể vào “hệ thống quản lý tính toán giá thành \ quản lý dữ liệu cơ bản \ thao tác thiết lập thời gian làm việc lệnh sản xuất” để xem kết quả thu tập số giờ công, cũng có thể nhập trực tiếp dữ liệu vào “thao tác thiết lập thời gian làm việc lệnh sản xuất”. Sau đó vào “hệ thống quản lý tính toán giá thành \ thao tác hàng loạt \ thao tác tổng hợp thời gian làm việc của dây truyền sản xuất”, tổng hợp dữ liệu số giờ công lệnh sản xuất vừa thu tập được theo dây truyền sản xuất (vì việc phân bổ chi phí nhân công là theo dây truyền sản xuất), và nhập tổng giá thành nhân công thực tế và tổng chi phí sản xuất của các dây truyền sản xuất trong tháng vào “hệ thống quản lý tính toán

Có thể lấy dữ liệu chi phí nhân công từ bộ phận thống kê “hệ thống nhân sự \ in báo biểu \ bảng tiền lương công nhân viên”, và có thể nhận được dữ liệu về chi phí sản xuất từ bước ❺.

### ❼ Kiểm hạch dữ liệu lỗi trước tính toán giá thành

In “hệ thống quản lý tính toán giá thành \ in báo biểu \ bảng chi tiết lãnh NVL lệnh sản xuất không có hiệu quả và bảng kiểm tra chi phí bất thường (trừ các mục chọn trong “giá thành lệnh sản xuất”)", cần chỉnh sửa lại dữ liệu nếu phát hiện thấy lỗi, rồi mới có thể thực hiện thao tác tính toán giá thành.

### ⑨ cập nhật mã giá thành cấp dưới và tính toán giá thành

Nhằm nâng cao tính toán chính xác, trước khi tính toán giá thành, hãy thực hiện “hệ thống quản lý tính toán giá thành \ thao tác hàng loạt \ thao tác cập nhật mã giá thành cấp dưới”, sau đó thực hiện tiếp “hệ thống quản lý tính toán giá thành \ thao tác hàng loạt \ thao tác tính toán giá thành sản xuất”, có thể kiểm tra kết quả tính toán được trong “hệ thống quản lý tính toán giá thành \ quản lý dữ liệu cơ bản \ thao tác lập giá thành lệnh sản xuất và thao tác lập giá thành sản phẩm”.

### ⑨ Kiểm hạch và điều chỉnh dữ liệu lỗi sau tính toán giá thành

Có thể vào “hệ thống quản lý tính toán giá thành \ in báo biểu \ bảng kiểm tra chi phí bất thường (chỉ nhân chọn mục “giá vốn sản xuất”, các mục khác không cần chọn)” để xem báo biểu, chỉnh sửa

lại nếu thấy sai sót, sau khi chỉnh sửa xong, thực hiện lại thao tác “hệ thống quản lý tính toán giá thành \ thao tác hàng loạt \ thao tác tính toán giá thành sản xuất”, lặp lại các thao tác trên cho tới khi chỉnh sửa hết dữ liệu lỗi.

Ghi chú: nếu lệnh sản xuất đã hoàn thành hoặc chỉ định kết thúc, nhưng còn tồn tại chi phí lệnh sản xuất dở dang, cần thực hiện “thao tác điều chỉnh chênh lệch giá thành”, sau đó vào “hệ thống quản lý tính toán giá thành \ in báo biểu \ bảng chi tiết chi phí sản xuất dở dang” để xem báo biểu (mục “chọn in” thiết lập là “điều chỉnh chênh lệch giá vốn”), lập chứng từ kế toán điều chỉnh mức giá thành chênh lệch.

### ⑩ Tự động điều chỉnh tồn kho và xác nhận đơn điều chỉnh

Vào “hệ thống quản lý tồn kho \ thao tác hàng loạt \ thao tác tự động điều chỉnh tồn kho” để điều chỉnh lại dữ liệu lỗi: “lượng tồn kho bằng 0 nhưng số tiền khác không” đồng thời điều chỉnh giá thành đơn vị giữa các kho đều như nhau. Hệ thống sẽ tự động thiết lập ngày tháng chứng từ trong đơn điều chỉnh là ngày cuối cùng của tháng. CONFORM tất cả các đơn điều chỉnh do hệ thống tự động phát sinh. Trước khi CONFORM cần sửa lại ngày đóng băng trước ngày chứng từ điều chỉnh 1 ngày, nếu không sẽ không thể CONFORM. Các chứng từ điều chỉnh đã CONFORM sẽ được tính vào tháng sau. Sau đó chỉnh lại ngày đóng băng là ngày cuối cùng của tháng.

### ⑪ Thanh toán cuối tháng

Vào “hệ thống quản lý tồn kho \ thao tác hàng loạt \ thao tác kết chuyển tồn kho cuối tháng”, để lượng và số tiền kho của tháng thành số dư đầu kỳ của tháng sau, có thể vào “hệ thống quản lý tồn kho \ thao tác chỉnh sửa \ Thao tác duy trì thống kê sản phẩm hàng tháng” để kiểm tra lại. Sau khi thực hiện “thao tác kết chuyển tồn kho cuối tháng” hệ thống sẽ tự động cộng “năm tháng tồn kho hiện tại” thêm 1

Ghi chú: Chi tiết xin tham khảo thêm giáo trình điện tử elearning “hệ thống quản lý tồn kho \ kết toán và thanh toán giá thành tồn kho” và lên lớp thực tế module “hệ thống quản lý giá thành”